

TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ THẾ GIỚI 2019-2020
BÁO CÁO TÓM TẮT



GIA ĐÌNH
TRONG THẾ GIỚI
ĐANG ĐỔI THAY

 **UN**
WOMEN 

Xem đầy đủ bản Báo cáo tại: www.progress.unwomen.org

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này thuộc về các tác giả và không mang tính chất đại diện cho quan điểm của UN Women, Liên Hợp Quốc hoặc bất kỳ tổ chức đối tác nào. Các vùng lãnh thổ và tên riêng được đề cập và sử dụng trên các bản đồ trong Báo cáo này không thể hiện sự chứng thực hay chấp nhận chính thức của Liên Hợp Quốc.

Để biết danh sách những lỗi hoặc thiếu sót được tìm thấy sau khi in, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi.

Thiết kế: Blossom-Milan

In: AGS Custom Graphics, an RR Donnelly Company

© UN Women 2019

Sản xuất tại Mỹ

Đã đăng ký Bản quyền

BÁO CÁO TÓM TẮT

TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ THẾ GIỚI 2019-2020

**GIA ĐÌNH TRONG
THẾ GIỚI ĐANG
ĐỔI THAY**

GIA ĐÌNH TRONG THẾ GIỚI ĐANG BIẾN ĐỘNG

Thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Các gia đình, cũng như vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong đó, cũng đang thay đổi. Ngày nay, không có gia đình nào là gia đình ‘tiêu chuẩn’, hay từ trước tới giờ cũng chưa hề tồn tại một khái niệm như vậy. Để hỗ trợ các gia đình và đáp ứng nhu cầu của tất cả các thành viên, luật pháp và chính sách cũng cần theo đó mà phát triển và đáp ứng. Bản Báo cáo Tiến trình của Phụ nữ Thế giới đánh giá quy mô và phạm vi của những biến đổi trong cuộc sống gia đình và ý nghĩa của chúng đối với bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Dựa trên những dữ liệu đáng tin cậy từ khắp nơi trên thế giới, Báo cáo này đề xuất một chương trình nghị sự toàn diện cho các chủ thể chính sách quan trọng-bao gồm những người ủng hộ bình đẳng giới, chính phủ quốc gia và các cơ quan quốc tế-để thực hiện hóa nhân quyền đối với mọi phụ nữ và trẻ em gái, bất kể kiểu gia đình mà họ đang sống.

Hiện nay đã có nhiều chỉ số chỉ ra rằng phụ nữ đang ngày càng có nhiều quyền tự chủ và tiếng nói trong gia đình họ. Những chỉ số này bao gồm độ tuổi kết hôn đang có chiều hướng tăng; sự thừa nhận rộng rãi hơn của xã hội và pháp luật về tính đa dạng của các hình thái hôn nhân; tỷ lệ sinh giảm do phụ nữ có nhiều quyền lựa chọn hơn trong việc có sinh con hay không, bao giờ sinh con và có bao nhiêu con; và cuối cùng là quyền tự chủ kinh tế ngày càng cao của họ. Những thay đổi này vừa là nguyên nhân và là hậu quả của những thay đổi nhân khẩu học quy mô lớn, những thay đổi mạnh mẽ trong tiếp cận giáo dục và việc làm của phụ nữ và trẻ em, những thay đổi về tư tưởng và quy tắc, cũng với những cải cách pháp lý, thường được thúc đẩy và truyền cảm hứng từ hoạt động đấu tranh của phụ nữ.

Các hoạt động vận động xã hội cũng như sự tái khẳng định mạnh mẽ các giá trị nhân quyền là cần thiết hơn bao giờ hết, đặc biệt là trong bối cảnh mà đang ngày có nhiều hơn các phản ứng mạnh mẽ đối với những thành tựu trong tiến trình đấu tranh vì bình đẳng giới đã đạt được trong nhiều thập kỷ. Những nỗ lực dai dẳng nhằm đẩy lùi các thành tựu đấu tranh vì bình đẳng giới đã đạt được trong nhiều thập kỷ qua gần đây được nguy trang bởi những lời nói hoa mỹ về ‘các giá trị gia đình’. Trên thực tế, người ủng hộ quan điểm này không chỉ tìm cách hạ thấp quyền của phụ nữ, mà đồng thời còn áp dụng các chính sách xóa bỏ các điều kiện cho phép các gia đình và các thành viên gia đình được phát triển.

Gia đình có thể là bàn đạp hoặc là rào cản đối với phụ nữ và trẻ em gái

Gia đình là hạt nhân của xã hội mà nếu thiếu đi nó, các cộng đồng và nền kinh tế không thể vận hành một cách bình thường. Con người chúng ta chia sẻ các nguồn lực như nơi ở và thu nhập, chia sẻ chăm sóc những người ốm yếu và những phụ nữ đang mang thai, cũng như nuôi dưỡng và chăm sóc cho thế hệ tiếp theo. Gia đình có thể là nơi chứa đựng tình yêu thương và sự săn sóc, là cội nguồn và bản sắc của mỗi con người.

Tuy nhiên, lại trong chính gia đình của họ, không ít phụ nữ và trẻ em gái thường xuyên phải đối mặt với bạo lực và phân biệt đối xử. Cứ ba phụ nữ thì lại có một người có thể bị lạm dụng về thể xác và tình dục bởi chính người bạn tình trong suốt cuộc đời họ. Ở một số quốc gia, con gái không được thừa kế tài sản, trong khi đó, ở một số quốc gia khác, phụ nữ bị pháp luật yêu cầu phải tuân theo chồng, cũng như bị tước đi tiếng nói và quyền làm chủ cuộc đời mình. Việc chỉ ra rằng gia đình cũng chính là nơi xảy ra mâu thuẫn chống lại phụ nữ và trẻ em gái là trọng tâm của Báo cáo này.

Sự bất bình đẳng, phân biệt đối xử và bất lợi mà phụ nữ và trẻ em gái có thể gặp phải trong cuộc sống gia đình và các mối quan hệ vốn không phải là lẽ tự nhiên, và cũng không phải là điều không thể tránh khỏi. Do đó, thách thức cấp bách đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà hoạt động xã hội và người dân thuộc mọi tầng lớp, đó là biến gia đình thành nơi bình đẳng và công bằng, là nền tảng để phụ nữ và trẻ em gái có thể thực hiện quyền của mình.

Đẩy mạnh tiến trình thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững

Việc đảm bảo gia đình là nơi bình đẳng và không có sự phân biệt đối xử là điều cốt yếu để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (MTPTBV). Ví dụ, MTPTBV 5, bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, đòi hỏi phải loại bỏ bạo lực và chấm dứt các hình thức gây tổn hại đến phụ nữ và trẻ em gái; đảm bảo phụ nữ có quyền tiếp cận tới các nguồn lực kinh tế, bao gồm quyền thừa kế và sự bình đẳng trong luật gia đình; thúc đẩy việc chia sẻ trách nhiệm đối với các công việc chăm sóc và việc nhà không được trả lương vốn luôn là gánh nặng trên vai người phụ nữ trong gia đình.

Để ‘Đảm bảo cuộc sống lành mạnh và nâng cao hạnh phúc cho tất cả mọi người’ (MTPTBV 3), phụ nữ cần được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; để ‘Đảm bảo giáo dục chất lượng cao, toàn diện và công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người’ (MTPTBV 4), trẻ em gái cần có quyền trì hoãn việc kết hôn để hoàn thành việc đi học; để ‘Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lâu dài, bao trùm và bền vững, việc làm tốt, đầy đủ và năng suất cho tất cả mọi người’ (MTPTBV 8) cần có các chính sách và quy định về nơi làm việc mang tính thân thiện với gia đình, trong đó bao gồm cả những điều kiện cho phép phụ nữ và nam giới kết hợp các công việc chăm sóc với công việc được trả lương.

Việc thực hiện chương trình nghị sự đối với các chính sách có tính thân thiện với gia đình được nêu trong Báo cáo này có khả năng tạo ra sức mạnh tổng hợp và đẩy mạnh tiến độ qua các thế hệ, cả về bình đẳng giới và phát triển bền vững một cách rộng rãi hơn. Để điều chỉnh và áp dụng chương trình nghị sự này vào bối cảnh quốc gia và địa phương, các nhà hoạch định chính sách cần hiểu rõ lý do các mối quan hệ quyền lực trên cơ sở giới có thể thúc đẩy hoặc hạn chế quyền của phụ nữ trong gia đình, cũng như nhận ra tính chất đa dạng và liên tục thay đổi của các hình thức gia đình.

PHỤ NỮ THƯƠNG LƯỢNG HỢP TÁC VÀ MÂU THUẪN TRONG GIA ĐÌNH

Báo cáo này nhìn nhận gia đình như một chủ thể, nơi mà cả sự hợp tác (dựa trên sự đoàn kết và tình yêu thương) và xung đột (bất bình đẳng và bạo lực) cùng tồn tại (xem Biểu đồ 1)¹. Dựa trên những kiến thức kinh tế học nữ quyền, Báo cáo này giải thích cho việc các hệ quả bất bình đẳng trong gia đình bị ảnh hưởng như thế nào bởi khả năng thương lượng không cân xứng giữa các thành viên trong gia đình, ví dụ như trong việc chia sẻ nguồn lực hoặc phân chia công việc chăm sóc và việc nhà không lương, để từ đó đề xuất giải pháp.

Bên cạnh vai trò của thu nhập, bản báo cáo cũng nhấn mạnh rằng để tạo điều kiện cho phụ nữ có thể thương lượng cho quyền của họ, thì cần phải thúc đẩy những đóng góp quan trọng của các hệ thống hỗ trợ xã hội (ví dụ: các nhóm cộng đồng hoặc các tổ chức vì quyền phụ nữ), các quyền lợi được đòi hỏi bởi nhà nước (ví dụ như các hệ thống bảo trợ xã hội và dịch vụ pháp lý) và các chuẩn mực xã hội tiến bộ.² Một khi hiểu rõ về các gia đình theo các khía cạnh này, phụ nữ và em gái cần có những hành động như thế nào?

(Một số) phụ nữ được tiếp cận nhiều nguồn lực

Đã có những bước tiến đáng chú ý trong việc gia tăng khả năng tiếp cận nguồn lực thông qua thu nhập, bảo trợ xã hội và quyền sở hữu tài sản. Điều này đã đem đến một số thay đổi đối với cán cân quyền lực trong nội bộ hộ gia đình, giúp cho phụ nữ có được an ninh kinh tế cũng như nhiều tiếng nói hơn trong quá trình ra quyết định, và và hỗ trợ họ đưa gia đình thoát khỏi thiếu thốn về mặt kinh tế.

Tuy nhiên, ngay cả ở các nước phát triển nơi mà lợi ích của phụ nữ ngày càng mở rộng và bền vững hơn, những phụ nữ sống với người phối ngẫu là nam giới thường đóng góp ít hơn một nửa tổng thu nhập của cả gia đình và thậm chí có khoản tiết kiệm còn ít hơn.³

Những thiệt thòi của việc làm mẹ thể hiện ở tỷ lệ việc làm có chiều hướng giảm và sự chênh lệch thu nhập giữa phụ nữ có con và phụ nữ không có con là một vấn đề dai dẳng.⁴ Hơn nữa, trong một thế giới mà số lượng của cải và sự giàu có phần lớn tập trung và được kiểm soát bởi một bộ phận dân số nhất định, các quyền lợi của phụ nữ không đồng đều giữa các quốc gia hay giữa các nhóm phụ nữ khác nhau.⁵ Không chỉ vậy, các gia đình có bố hoặc mẹ đơn thân có khả năng sống trong cảnh đói nghèo cao hơn do thiếu sự hỗ trợ tài chính từ người có thu nhập thứ hai trong gia đình.⁶

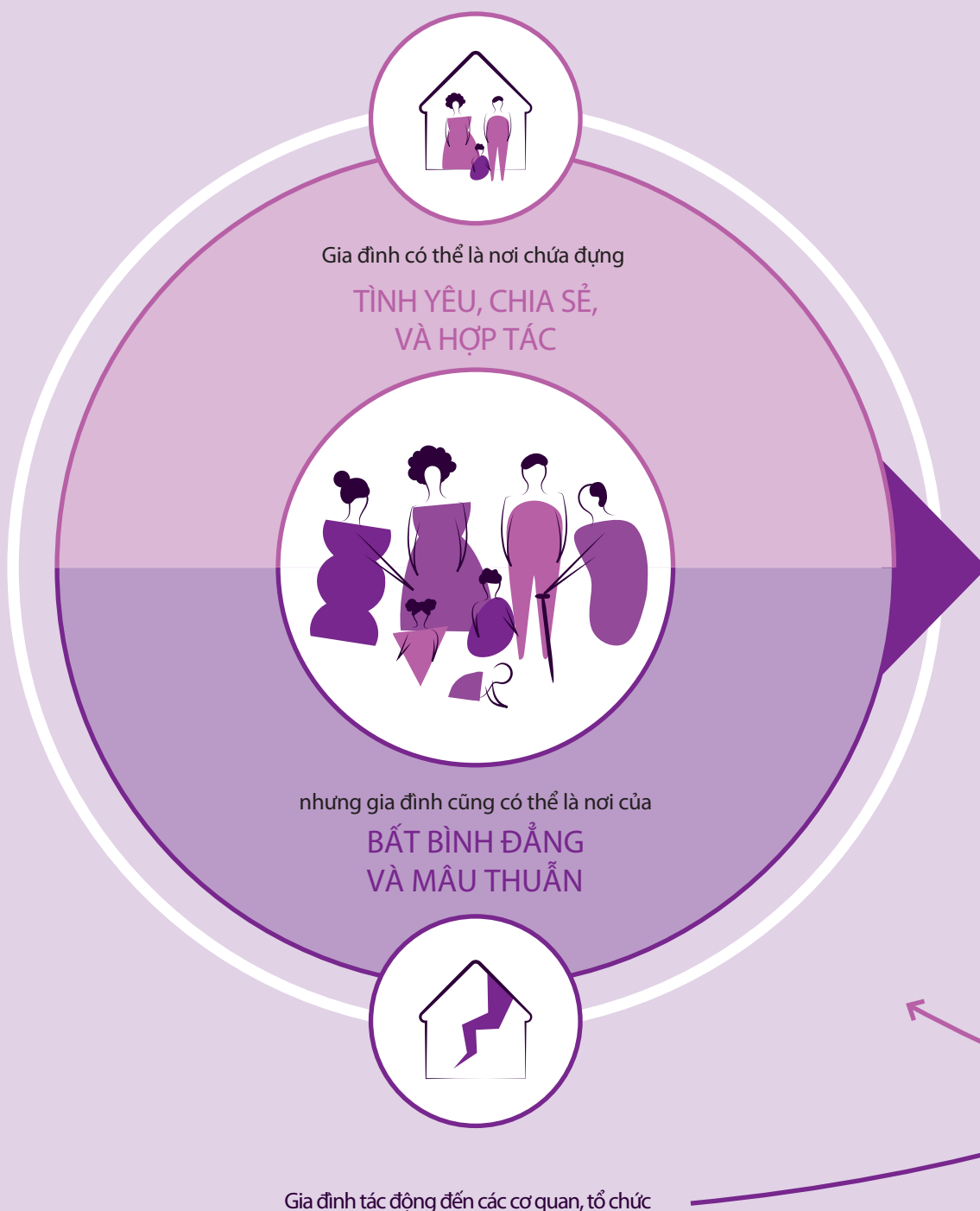
Tuy nhiên các công việc chăm sóc vẫn chủ yếu thuộc về phụ nữ

Mặc dù về tổng thể, khả năng tiếp cận các nguồn lực kinh tế của phụ nữ đã được cải thiện, việc phân phối công việc chăm sóc không được trả lương vẫn cho thấy sự bất bình đẳng. So với nam giới, phụ nữ làm việc gấp ba lần khối lượng việc chăm sóc và nội trợ không lương trong gia đình, đặc biệt trong bối cảnh bất bình đẳng nghiêm trọng ở các nước đang phát triển, nơi việc tiếp cận cơ sở hạ tầng giúp tiết kiệm thời gian và dịch vụ công cộng cũng bị hạn chế hơn.⁷

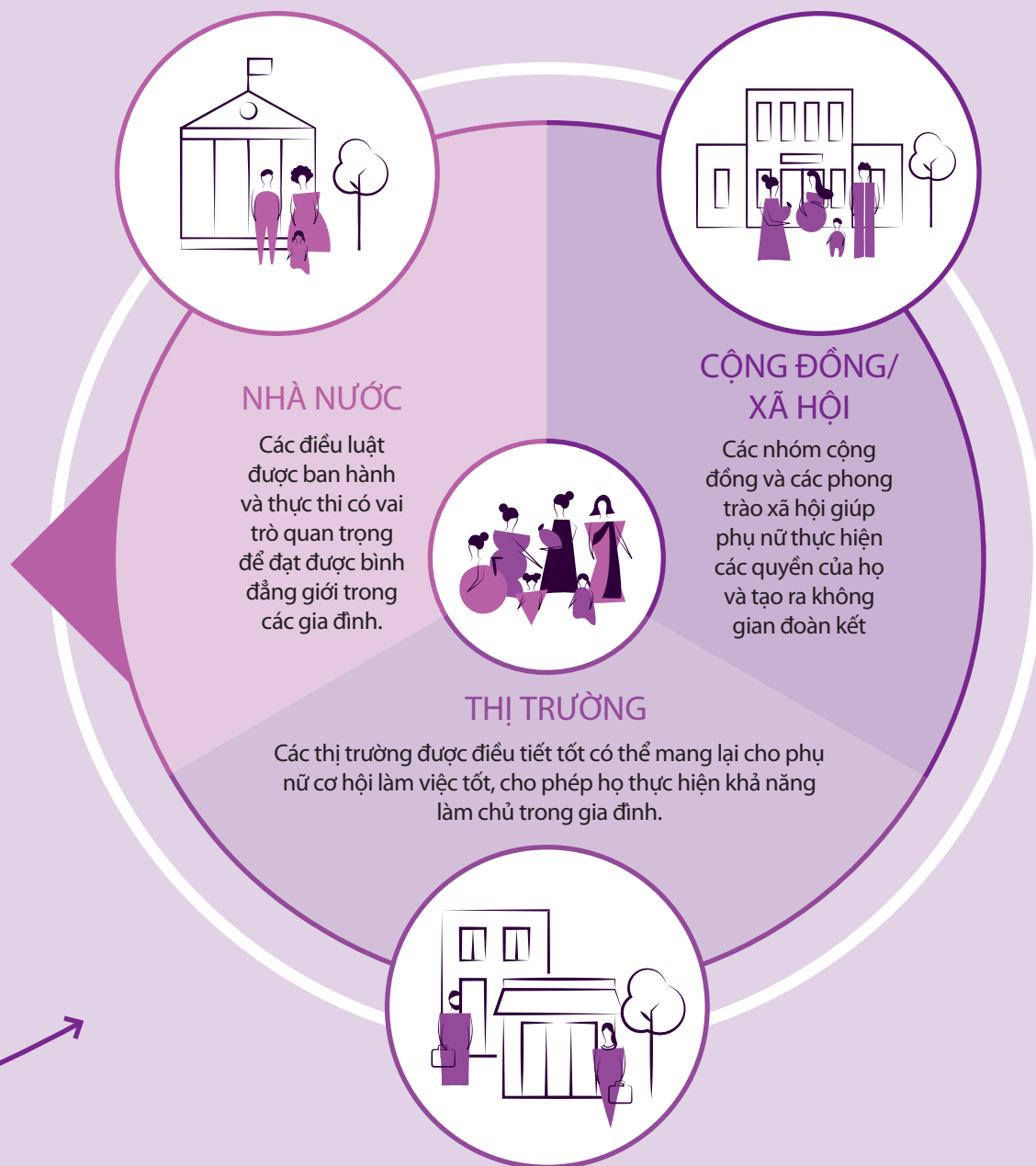
PHỤ NỮ THƯƠNG LƯỢNG CHO QUYỀN LỢI CỦA HỌ TRONG GIA ĐÌNH

Bất bình đẳng giới trong mối quan hệ gia đình đồng nghĩa với việc phụ nữ thường phải thương lượng để có được phần lợi ích công bằng – tiền, lương thực, thời gian rảnh, và tiếng nói trong quá trình đưa ra quyết định.

Gia đình là khu vực của cả sự hợp tác lẫn xung đột



Hành động của nhà nước, cộng đồng và thị trường có thể giúp phụ nữ đạt lại quyền của họ trong gia đình



Các cơ quan, tổ chức tác động đến các gia đình

Nhiều khu vực đang phải đối mặt với tình trạng thiếu một cách trầm trọng các dịch vụ chăm sóc, trong đó nhu cầu chăm sóc người già, trẻ em không được đáp ứng đủ bởi các dịch vụ chăm sóc công. Khi các dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp không có sẵn hoặc vượt ngoài khả năng chi trả, phụ nữ và trẻ em gái thường được kỳ vọng đứng ra đảm nhận công việc này, đồng nghĩa với việc họ phải đánh đổi thời gian đi học, làm việc và nghỉ ngơi, hoặc hậu quả là nhu cầu chăm sóc không được đáp ứng. Xu hướng này để lại hậu quả tiêu cực đối với khả năng tiếp cận tới công việc tốt được trả lương của phụ nữ, cũng như đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của họ.

...kể cả khi phụ nữ di cư

Trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa, như việc con người bắt buộc phải di chuyển cũng ngày càng nhiều, không ít các gia đình phải thu xếp việc chăm sóc và giúp đỡ các thành viên trong gia đình họ từ xa. Trong khi gia đình, cộng đồng và nhà nước ngày càng phụ thuộc vào khả năng và sự sẵn lòng của phụ nữ đối với việc di cư và tạo ra thu nhập, không phải lúc nào nam giới cũng sẵn sàng đứng ra gánh vác trách nhiệm chăm sóc các thành viên còn lại. Trên thực tế, việc di cư càng làm nổi bật mức độ mà vai trò của người phụ nữ với tư cách là người chăm sóc trong gia đình vẫn tiếp tục trường tồn; khi người mẹ vắng mặt, bà và con gái lớn thường là

những người phải hỗ trợ chăm sóc cho các thành viên phụ thuộc trong gia đình.

Khi cả một gia đình di cư cùng nhau-một điều vốn rất khó thực hiện-các thành viên sẽ không được tiếp cận các dịch vụ công cộng và bảo trợ xã hội một cách đồng đều. Sự chênh lệch này đặc biệt nghiêm trọng đối với người di cư có tình trạng chưa ổn định hay ở trong bối cảnh khủng hoảng nhân đạo.

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn tồn tại

Biểu hiện tồi tệ nhất của xung đột trong gia đình là bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Sau nhiều thập kỷ hoạt động của các phong trào nữ quyền, bạo lực gia đình đã được công nhận là mối quan tâm chung của cả cộng đồng thay vì một vấn đề cá nhân. Cho tới nay đã ra đời các điều luật, kế hoạch hành động, các dịch vụ bảo vệ và hỗ trợ và ngày một nhiều hơn các biện pháp phòng chống bạo lực.

Bất chấp những nỗ lực này, bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trong các gia đình vẫn tồn tại ở mức độ đáng kinh ngạc và trên khắp các khu vực trên thế giới. Bạo lực gia đình dẫn đến nhiều vụ việc gây tử vong: năm 2017, ước tính 58% số nạn nhân nữ của vụ giết người có chủ ý bị giết hại bởi chính một thành viên trong gia đình họ, với con số lên tới 137 phụ nữ bị sát hại mỗi ngày.⁸

GIA ĐÌNH NGÀY NAY: THAY ĐỔI VÀ ĐA DẠNG

Từ trước tới nay, các gia đình chưa bao giờ tồn tại ở một cấu trúc nhất định. Dựa trên dữ liệu toàn cầu mới nhất hiện có, Báo cáo ghi lại sự đa dạng đáng chú ý trong các cấu trúc và mối quan hệ gia đình tồn tại giữa các khu vực, trong các quốc gia và theo thời gian.

Lấy hộ gia đình làm đơn vị phân tích, hơn một phần ba số hộ gia đình trên toàn cầu (38%) bao gồm một cặp vợ chồng và con cái thuộc mọi lứa tuổi (xem Biểu đồ 2).⁹ Ngay cả những hộ gia đình này cũng có những đặc điểm khác nhau, ví dụ như sự chênh lệch ở mức thu nhập, tuổi tác con cái. Gần hai phần ba tất cả các hộ gia đình có cấu trúc khác nhau, và trong số đó, gần một phần ba (27 phần trăm) là các hộ gia đình mở rộng, ví dụ như các gia đình có ông, bà, cô dì hoặc chú bác.

Trên tổng số các hộ gia đình có bố hoặc mẹ đơn thân, 84% là gia đình mẹ đơn thân, và các hộ gia đình của các cặp đôi dị tính hoặc đồng tính không có con cũng

phổ biến ở nhiều khu vực.¹⁰ Trong các xã hội đang có xu hướng già hóa, các hộ gia đình một thành viên đang ngày một phổ biến.

Tại sao lại có sự khác biệt trong thành phần gia đình giữa các khu vực và trong chính các quốc gia? Sự khác biệt trong chính sách công, chuẩn mực xã hội, thay đổi nhân khẩu học và xu hướng việc làm đều góp phần tạo nên sự khác biệt này.¹¹

Những thay đổi trong các mối quan hệ tình cảm

Trong ba thập kỷ vừa qua, phụ nữ và nam giới đã có nhiều sự thay đổi trong cách họ xây dựng các mối quan hệ tình cảm. Trên tất cả mọi khu vực trên thế giới, cả phụ nữ và nam giới đều có xu hướng trì hoãn hôn nhân.¹² Điều này cho phép phụ nữ hoàn thành việc học tập, có được chỗ đứng vững chắc hơn trong thị trường lao động cũng như có khả năng tự chủ về tài chính.¹³

Hiện nay ngày càng có nhiều cặp đôi chọn sống thử, và ở một số vùng ngày càng có nhiều phụ nữ từ chối kết hôn. Những quyết định này có thể do điều kiện bắt buộc, cũng như từ sự lựa chọn cá nhân khi chi phí gây dựng gia đình trở nên đắt đỏ đối với một số cặp đôi.¹⁴ Điều này cũng có thể phản ánh sự do dự ngày một cao của phụ nữ trước việc tham gia vào các mối quan hệ mà trong đó họ sẽ bị đặt vào vị trí phải phục tùng.

Tỷ lệ ly hôn tăng cao là một trong những đặc điểm dễ thấy nhất của xu hướng thay đổi cấu trúc các gia đình ở hầu hết các khu vực kể từ những năm 1980.¹⁵ Sự cởi mở hơn trong luật ly hôn ở một số nước phát triển dẫn đến việc giảm tỷ lệ tự tử của phụ nữ, tỷ lệ bạo lực gia đình được báo cáo thấp hơn và các trường hợp phụ nữ bị chống sát hại cũng xảy ra ít hơn.¹⁶

Tuy nhiên, tỷ lệ ly hôn và ly thân tăng cũng có thể dẫn đến các hậu quả gây tổn thương khác cho phụ nữ. Kết thúc một mối quan hệ thường kéo theo những hậu quả kinh tế bất lợi hơn nhiều đối với phụ nữ so với nam giới. Thường xuyên, phụ nữ mất đi quyền tiếp cận tài sản hôn nhân, các nguồn lực hoặc thậm chí quyền nuôi con.¹⁷

Tiếng nói và quyền tự quyết định của phụ nữ trong vấn đề sinh sản

Sinh con cái là một trong những khía cạnh quan trọng của cuộc sống gia đình và cũng là nơi mà nhiều sự chuyển

biến lớn đang diễn ra. Trên toàn thế giới, tỷ suất sinh đang giảm, mặc dù tốc độ thay đổi có sự khác nhau giữa các khu vực.

Ở một mặt, sự thay đổi này chỉ ra rằng phụ nữ có nhiều quyền tự quyết hơn, cũng như có tiếng nói hơn trong việc quyết định liệu họ có muốn có con hay không, khi nào có con và sinh bao nhiêu con. Trên thực tế, trong các gia đình quy mô nhỏ hơn, chi phí duy trì có thể sẽ nhỏ hơn, bên cạnh gánh nặng từ công việc chăm sóc và nội trợ cũng có thể được giảm đi phần nào.

Mặt khác, tỷ suất sinh giảm ở một số vùng cũng chỉ ra rằng phụ nữ và nam giới có thể sinh ít con hơn so với mong muốn. Các cặp vợ có thể hạn chế sinh con do những điều kiện kinh tế khiến cho việc nuôi con trở nên tốn kém và khó khăn hoặc do sự thiếu vắng các dịch vụ chăm sóc dài hạn chất lượng cao, và họ còn có cha mẹ già cần được chăm sóc. Phụ nữ cũng có thể chọn sinh ít con hơn bởi nam giới vẫn không san sẻ một cách công bằng các công việc chăm sóc và việc nhà không lương.

Hiểu rõ các mối quan hệ trên cơ sở giới trong gia đình, các cấu trúc gia đình đa dạng trên khắp các khu vực, qua thời gian và thậm chí là trong chính quãng đời của phụ nữ và nam giới, là cơ sở thiết yếu cho việc hoạch định chính sách.

CÔNG CHÚNG CÓ VAI TRÒ NHƯ THẾ NÀO?

Mối quan hệ giữa các gia đình, nền kinh tế và chính phủ có thể được xem như một mối quan hệ cộng sinh: mỗi bên đều phụ thuộc lẫn nhau để phát triển và đạt được xã hội ổn định và thịnh vượng. Các nền kinh tế và chính phủ muốn hoạt động tốt thì cần phải có các gia đình sản xuất lao động, mua hàng hóa và dịch vụ, đóng thuế và nuôi dưỡng nguồn nhân sự của xã hội. Tuy nhiên, những đóng góp từ các hộ gia đình không phải là nguồn lực vô tận. Coi họ như một cái "giếng không đáy", cho khu vực công và tư nhân khai thác một cách vô hạn, có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho các gia đình cũng như các thành viên trong gia đình đó. Lối sống thất lưng buộc bụng, việc chậm trễ trả tiền lương, xung đột và khủng hoảng khí hậu khiến các gia đình đặc biệt khó khăn trong việc duy trì cuộc sống hàng ngày; trong bối cảnh này, sự hỗ trợ của các cộng đồng, thị trường và nhà nước là vô cùng cần thiết.¹⁸

Các quốc gia có trách nhiệm đặc biệt trong việc hỗ trợ các gia đình, bởi đây vốn là nghĩa vụ đảm bảo quyền con người của mỗi quốc gia. Hơn 70 năm trước, Tuyên

ngôn Quốc tế về Nhân quyền (UDHR) đã công nhận các gia đình là tế bào thiết yếu của xã hội, một tổ chức cần được bảo vệ và hỗ trợ.¹⁹ Trong luật pháp quốc tế, việc bảo vệ gia đình thực chất gắn liền với nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, đặc biệt là trong vấn đề hôn nhân.²⁰ Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) cho thấy quan hệ gia đình phải tuân theo nguyên tắc này (Điều 16). Áp dụng điều này vào bối cảnh gia đình đồng nghĩa với việc rằng tất cả các luật pháp, chính sách và thực tiễn liên quan đến gia đình nên được thực hiện dưới nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với bất cứ cá nhân thành viên nào trong gia đình hay có ý chống lại bất kỳ hình thái gia đình nào.

CEDAW chống lại sự tách biệt giả tạo khía cạnh "công" với khía cạnh "tư" và cũng chỉ rõ rằng Nhà nước có nghĩa vụ đảm bảo quyền con người được thực hiện trong cả các lĩnh vực "riêng tư" như hôn nhân và gia đình, như những gì họ đã làm trong các lĩnh vực "công" như thương trường và chính trường.²¹

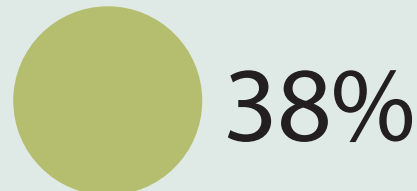
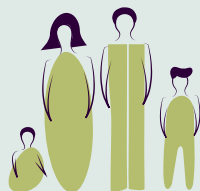
CÁC KIỂU HỘ GIA ĐÌNH: CÁC CON SỐ TRUNG BÌNH TRONG KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU

Trên thế giới, có ít hơn 4 trên 10 hộ gia đình bao gồm một cặp vợ chồng sống cùng con cái (thuộc bất kì lứa tuổi nào).

Kiểu hộ gia đình

Tỷ lệ hộ theo các kiểu hộ gia đình, sự phân bố trên toàn cầu

Các cặp đôi sống cùng con cái
(thuộc mọi lứa tuổi, bao gồm cả
con cái đã trưởng thành)



Gia đình mở rộng



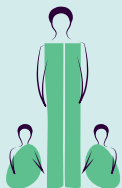
Gia đình chỉ bao gồm cặp đôi



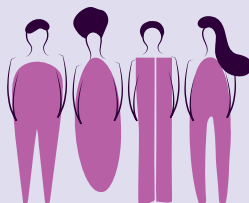
Gia đình một thành viên



Gia đình có cha hoặc mẹ đơn thân



Gia đình bao gồm những
người không phải họ hàng



Nguồn: Các con số trong khu vực được tính bởi UN Women sử dụng các ước tính cấp quốc gia được công bố từ UN DESA 2018a. Đối với phân tích này, dữ liệu về Trung Quốc dựa trên các ước tính được sản xuất và xuất bản bởi Hu và Peng 2015.

Chú thích: Các ước tính khu vực được đánh dấu hoa thị (*) dựa trên ít hơn hai phần ba dân số khu vực tương ứng và nên được cân nhắc một cách thận trọng: châu Âu và Bắc Mỹ (41.0 phần trăm dân số) và Bắc Phi và Tây Á (36.1 phần trăm dân số). Tổng tỷ lệ phân bố các hộ gia đình trên toàn cầu và trong khu vực có thể không bằng 100 do làm tròn. Độ bảo phủ dân số ở châu Đại Dương là không đủ điều kiện nên không được thể hiện trong bảng.

Đa dạng chính là xu hướng trong sự cấu thành hộ gia đình: ở châu Phi cận Sahara, Trung và Nam Á, gần một phần ba số hộ gia đình là gia đình mở rộng; ở một số vùng, một trên mười hộ gia đình là gia đình có cha hoặc mẹ đơn thân.

Tỷ lệ hộ theo các kiểu hộ gia đình, phân phối theo khu vực

Tỷ lệ hộ theo các kiểu hộ gia đình, phân phối cấp quốc gia

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

25%
35%
36%
39%
47%
59%

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

10%
32%
28%
24%
32%
17%

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

24%
5%
17%
11%
8%
9%

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

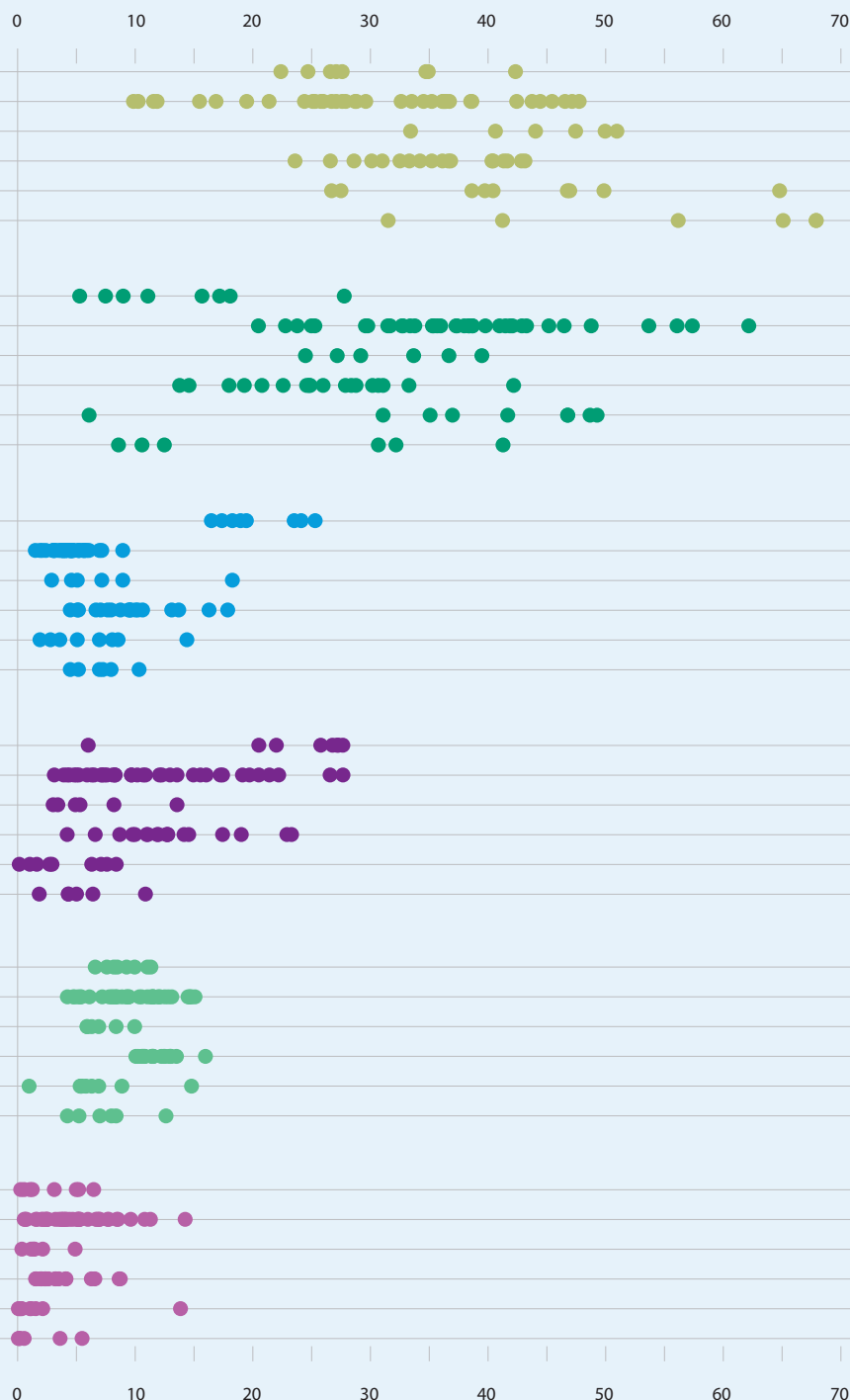
27%
13%
12%
12%
7%
6%

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

9%
10%
6%
11%
6%
8%

châu Âu và Nam Mỹ*
châu Phi hạ Sahara
Đông Á và Đông Nam Á
châu Mỹ Latinh và vùng biển Ca-ri-bê
Trung và Nam Á
Bắc Phi và Tây Á

4%
4%
2%
3%
1%
1%



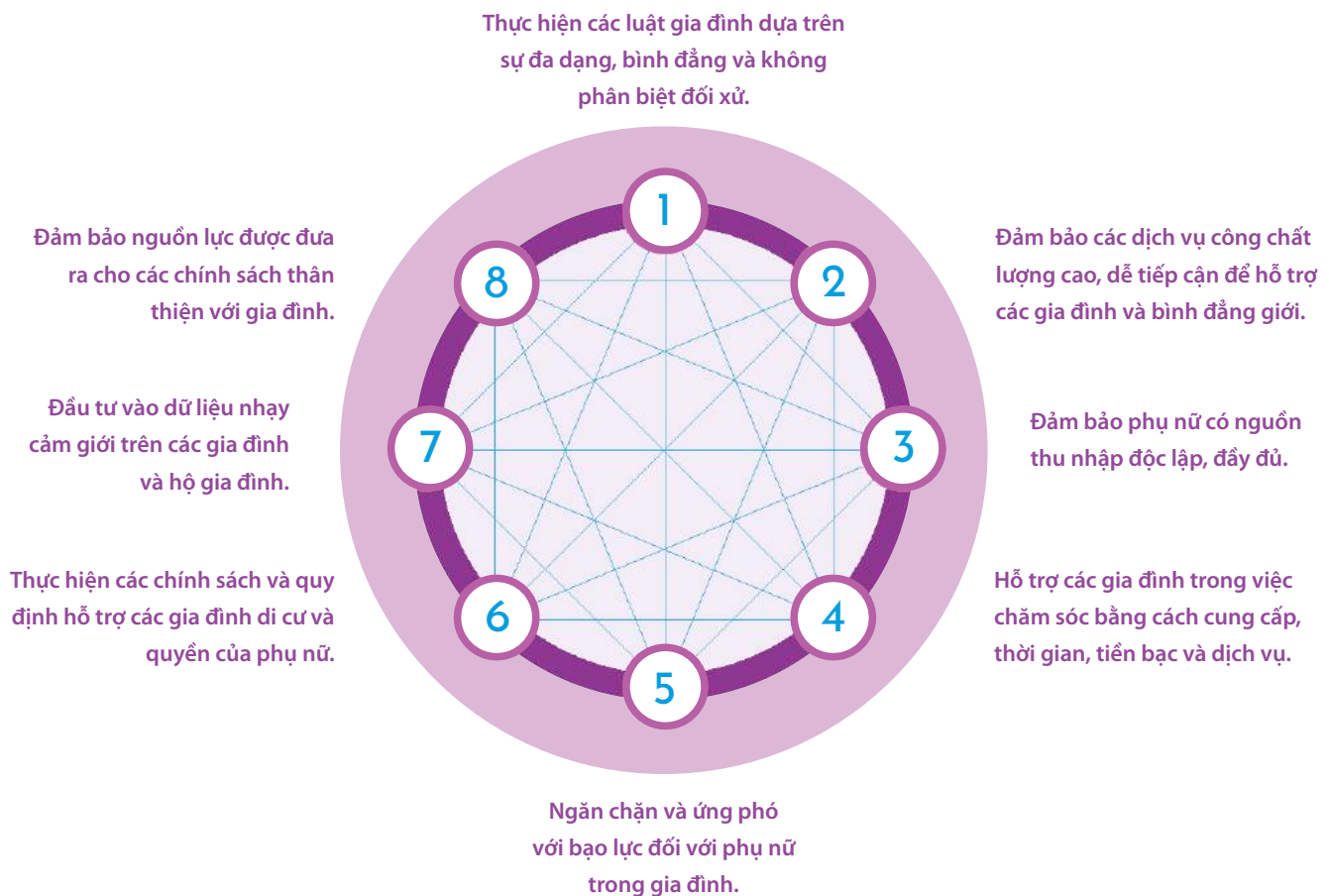
Các công ước bổ sung được nêu trong Báo cáo này cung cấp khung pháp lý và hướng dẫn chính sách chi tiết về một tập hợp toàn diện các quyền xã hội, kinh tế và văn hóa, bao gồm nghĩa vụ đảm bảo rằng tất cả các cặp vợ chồng và cá nhân có quyền "quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số lượng con cái, thời điểm và khoảng cách thời gian giữa các lần sinh sản" (Chương trình hành động ICPO);²² nghĩa vụ xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái dưới mọi hình thức, bao gồm cả trong gia đình (Khuyến nghị chung của CEDAW số 35);²³ và nghĩa vụ bảo vệ quyền của trẻ em (CRC).²⁴

Mặc dù Báo cáo này xác định các chính phủ là tác nhân chính, các tác nhân thay đổi khác như những người có

chức trách, các phong trào về bình đẳng giới và quyền phụ nữ cũng đóng một vai trò lớn.

Đi đầu là các tổ chức hoạt động về quyền phụ nữ và phong trào nữ quyền, mà trong lịch sử đã luôn là động lực chính của sự thay đổi, thường xuyên xây dựng các liên minh với các công đoàn lao động, các tổ chức đức tin và khu vực tư nhân để thay đổi và thực thi luật pháp và chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong và ngoài gia đình. Chương trình nghị sự chính sách của Báo cáo đẩy mạnh thực hiện tầm nhìn hướng đến các gia đình như một ngôi nhà của sự bình đẳng và công bằng-một nơi mà phụ nữ và trẻ em gái có thể thực hiện quyền và tiếng nói, và là nơi họ có được an ninh kinh tế và an toàn thân thể.

TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC: CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ DÀNH CHO CHÍNH SÁCH THÂN THIỆN VỚI GIA ĐÌNH



1. THỰC HIỆN CÁC LUẬT GIA ĐÌNH ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN SỰ ĐA DẠNG, BÌNH ĐẲNG VÀ KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Các nhà nước, cộng đồng và các tổ chức tôn giáo điều chỉnh và can thiệp vào cuộc sống hôn nhân và gia đình thông qua luật pháp và các chính sách. Luật gia đình, với vai trò quy định hôn nhân (bao gồm độ tuổi kết hôn tối thiểu), ly hôn, quyền nuôi con, quyền giám hộ, việc nhận nuôi và vấn đề thừa kế, lại bao gồm một số điều khoản mang tính phân biệt giới tính, tạo ra một nền tảng bất bình đẳng đối với phụ nữ và trẻ em gái ở nhiều nơi trên thế giới. Việc thiếu các quyền hợp pháp để yêu cầu ly hôn, hoặc sự đe dọa mất đi quyền nuôi con, có thể làm mất cân xứng quyền lực trong hôn nhân và khiến phụ nữ mắc kẹt trong các mối quan hệ không hạnh phúc hoặc thậm chí là bạo lực. Quyền được chấm dứt một mối quan hệ không hạnh phúc của phụ nữ cũng bị xem nhẹ hơn trong bối cảnh mà chế độ tài sản hôn nhân không công nhận

những đóng góp không được trả công của họ, hay khi nam giới không bị yêu cầu phải thực thi trách nhiệm công bằng của họ trong việc nuôi dưỡng con cái.

Tuy nhiên, như ví dụ ở Tunisia cho thấy (xem Hộp 1), luật gia đình mang tính phân biệt đối xử có thể và đang được thay đổi, phần lớn là kết quả của các chiến dịch dài hạn của các nhà hoạt động vì quyền phụ nữ và những người đồng minh trong chính phủ, xã hội tư pháp và dân sự. Ở hầu hết các khu vực, nhiều phong trào mạnh mẽ về bình đẳng hóa luật gia đình đã nổi lên, đặc biệt là từ những năm 1950.²⁵ Nhiều cải cách hơn nữa cần được thực hiện, trong đó bao gồm việc luật gia đình cần nhắc đến sự đa dạng của các cặp đôi để đảm bảo rằng quyền của phụ nữ trong các mối quan hệ đồng giới và/hoặc sống thử được bảo vệ.

HỘP 1 TIẾN TRÌNH CỦA LUẬT GIA ĐÌNH TẠI TUNISIA

Tunisia đã trở thành một trong những nước tiên phong trong các vương quốc Ả Rập về luật bình đẳng giới kể từ năm 1956, khi Bộ luật về Tình trạng cá nhân được quy định cho hôn nhân dựa trên sự đồng thuận và bình đẳng cho phụ nữ trong thủ tục ly hôn.

Gần 60 năm sau, vào năm 2014, Chính phủ đã xóa bỏ mọi rào cản đối với CEDAW và ban hành một hiến pháp mới nhằm trao cho phụ nữ nhiều quyền mới.²⁶ Các tổ chức xã hội dân sự đóng vai trò quan trọng trong thành tựu này. Họ đã làm việc giữa các đảng phái và giữa các nhóm Hồi giáo và các nhóm quyền phụ nữ thế tục để thiết lập cuộc Đối thoại Quốc gia cho Phụ nữ, lắng nghe những ý kiến và mong muốn của họ về hiến pháp mới.²⁷ Các tổ chức này đã sử dụng phương tiện truyền thông xã hội để nâng cao nhận thức, cũng như phản đối dự thảo điều khoản có khả năng đưa phụ nữ trở thành vị trí 'bổ sung' cho nam giới và do đó, dự thảo đã được sửa đổi để quy định rằng "mọi công dân, nam và nữ, đều có quyền và nghĩa vụ như nhau, và bình đẳng trước pháp luật mà không bị phân biệt đối xử" (Điều 21).²⁸

Hiến pháp mới đã cung cấp một nền tảng vững chắc cho những thay đổi lập pháp quan trọng trong năm 2017, bao gồm thông qua Luật Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ, bãi bỏ quy định của bộ luật hình sự cho phép một kẻ hiếp dâm thoát khỏi hình phạt nếu anh ta kết hôn với nạn nhân của mình và thay đổi luật pháp ngăn phụ nữ Hồi giáo kết hôn với người không theo đạo Hồi.²⁹

Năm 2016, các bước đã được thực hiện để đưa Tunisia trở thành quốc gia lập pháp cho quyền thừa kế bình đẳng đầu tiên trong khu vực.³⁰ Các nhà nữ quyền Hồi giáo trong khu vực lập luận rằng luật thừa kế đòi hỏi phải cải cách không chỉ dựa trên cơ sở bình đẳng và công bằng, mà còn để theo kịp sự thay đổi trong cấu trúc và hoạt động của cuộc sống gia đình. Phụ nữ có ít quyền thừa kế trước kia được công nhận với lý do rằng đàn ông có vai trò lớn hơn trong việc cung cấp cho phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên ở hiện tại, tỷ lệ đáng kể các hộ gia đình ở một số quốc gia trong khu vực được duy trì bởi phụ nữ,³¹ các người theo chủ nghĩa nữ quyền Hồi giáo cho rằng việc thay đổi là không thể bác bỏ và khẩn cấp.³²

2. ĐẢM BẢO DỊCH VỤ CÔNG CHẤT LƯỢNG CAO, DỄ TIẾP CẬN ĐỂ HỖ TRỢ CÁC GIA ĐÌNH VÀ THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

Các dịch vụ công cộng bao gồm giáo dục và chăm sóc sức khỏe sinh sản đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các gia đình và thúc đẩy bình đẳng giới. Ở các nước phát triển, giáo dục đã mở ra những chân trời mới cho phụ nữ vượt ra ngoài phạm vi quốc gia, trong khi ở các nước đang phát triển, tỷ lệ tham gia giáo dục trung học liên quan mật thiết đến sự suy giảm của việc kết hôn sớm và mang thai ở tuổi vị thành niên. Nhiều nỗ lực hơn nữa cần được thực hiện để tiếp cận các trẻ em gái ở khu vực nông thôn, trẻ em bị khuyết tật, những người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và những người trong các hộ gia đình nghèo. Các chương trình giảng dạy thúc đẩy bình đẳng giới và giáo dục về các mối quan hệ lành mạnh, cũng như việc đảm bảo rằng các trường học luôn sẵn sàng chào đón và không phân biệt đối xử với các em gái mang thai và các bố mẹ nhỏ tuổi, là thực sự cần thiết.

Quyền được tự kiểm soát việc sinh sản của bản thân đặt nền móng cho hạnh phúc của phụ nữ và cơ hội được hưởng tất cả các quyền con người khác của họ. Năm 1970, chỉ có 42,2% phụ nữ trên toàn thế giới trong độ tuổi 15-49 kết hôn hoặc trong một mối quan hệ tình cảm muốn và đã sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại; đến năm 2015, con số này đã đạt 77,2% (xem Biểu đồ 3). Để đảm bảo rằng phụ nữ có quyền tự ra quyết định và tiếng nói trong các mối quan hệ của họ, việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa trên quyền của phụ nữ và nam giới cần đạt được nhiều tiến bộ hơn nữa, việc này đi đôi với việc tăng cường hệ thống y tế, như ví dụ của Rwanda (xem Hộp 2). Như Ủy ban Nhân quyền đã quy định, các chính sách giảm thiểu tử vong và tổn thương do phá thai không an toàn cũng rất cần thiết.³³

HỘP 2

MỞ RỘNG QUY MÔ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH VÀ CÁC DỊCH VỤ Y TẾ TẠI RWANDA

Trong một khu vực có hệ thống y tế kém hiệu quả và tỷ lệ sinh cao phổ biến, Rwanda đã có những bước tiến lớn trong việc cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch gia đình và sức khỏe sinh sản, với những lợi ích rõ rệt cho phụ nữ, gia đình và xã hội.

Năm 1970, biện pháp tránh thai hiện đại chỉ đáp ứng 0,2% nhu cầu về kế hoạch hóa gia đình ở Rwanda. Năm 2030 được dự đoán con số sẽ đạt 78,2%, cao hơn mức trung bình của châu Phi hạ Sahara (62,0%).³⁴ Trong bốn thập kỷ qua, tổng tỷ suất sinh của Rwanda đã giảm hơn một nửa từ 8,3 đến 3,8 ca sinh trên mỗi phụ nữ,³⁵ trong khi tỷ lệ tử vong mẹ giảm từ 1.300 ca tử vong trên 100.000 ca sinh năm 1990 xuống còn 290 trường hợp vào năm 2015.³⁶

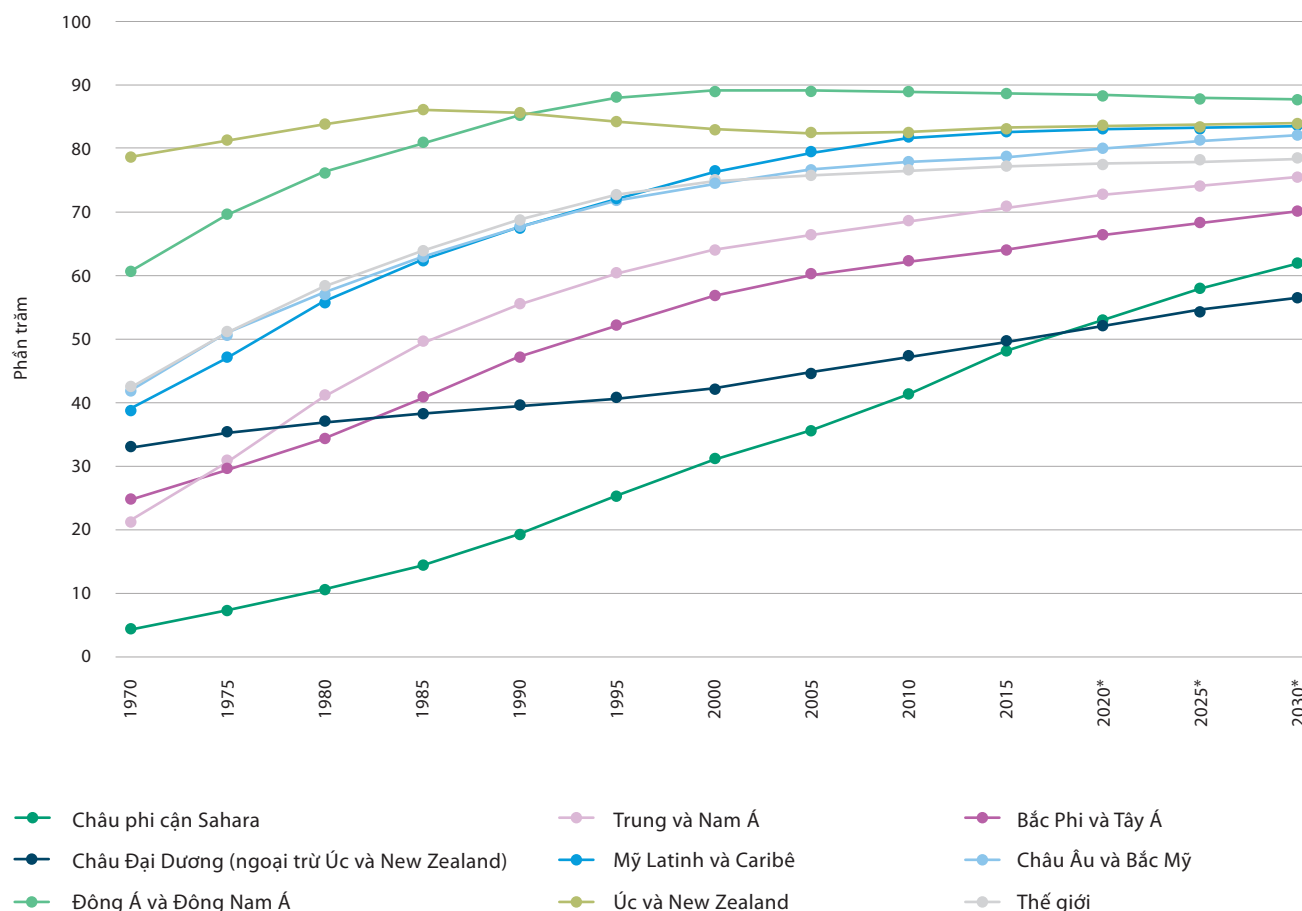
Tiến bộ này là kết quả của các hành động từ chính phủ ưu tiên củng cố hệ thống y tế. Ví dụ, Rwanda thành lập các trường điều dưỡng và hộ sinh để tăng số lượng y tá, nữ hộ sinh và bác sĩ được đào tạo. Ngày nay, nhân viên y tế cộng đồng cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ, phân phối bao cao su và các biện pháp tránh thai. Bảo hiểm y tế dựa vào cộng đồng đã được giới thiệu vào năm 1999 và đến năm 2010, tỷ lệ bao phủ đã đạt tới 78% người Rwanda.³⁷

Huy động tài chính một cách hiệu quả cả trong và ngoài nước chính là yếu tố then chốt. Rwanda có một cơ chế nghiêm ngặt để quản lý các khoản tài trợ, đảm bảo rằng tất cả sự hỗ trợ đều được dành cho các ưu tiên hiện tại của Chính phủ.³⁸ Khoản chi dành cho chăm sóc sức khỏe đã tăng từ 7,91 đô la Mỹ cho một đầu người trong năm 2002, lên 48,08 đô la Mỹ vào năm 2016, vượt mức tối thiểu 44 USD đưa ra bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).³⁹

Tuy nhiên, một số thách thức vẫn còn tồn tại. Thái độ và các suy nghĩ mang tính phân biệt đối xử vẫn còn tồn tại trong một số bối cảnh. Nhiều phụ nữ cho biết, họ không thể sử dụng biện pháp tránh thai nếu không có sự chấp thuận của chồng. Các cô gái vị thành niên chưa lập gia đình thường bị hạn chế tiếp cận tới các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, một trong những nguyên nhân là do thái độ không tán thành của một số nhân viên y tế cộng đồng.⁴⁰ Khu vực dành cho người trẻ trong các trung tâm y tế hoặc trung tâm thanh thiếu niên độc lập đã giúp cung cấp dịch vụ và đem đến sự riêng tư cho các phụ nữ trẻ, tuy nhiên lại chưa được phổ biến.⁴¹

BIỂU ĐỒ 3

NHU CẦU KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH ĐƯỢC ĐÁP ỨNG NHỜ CÁC PHƯƠNG PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI THEO KHU VỰC, CỦA PHỤ NỮ ĐÃ KẾT HÔN HOẶC ĐANG TRONG MỐI QUAN HỆ TÌNH CẢM TRONG ĐỘ TUỔI 15-49, 1970-2030



Nguồn: Tính toán của UN Women từ UN DESA 2018b và UN DESA 2018c.

Chú thích: Bao gồm 185 quốc gia và khu vực có dân số từ 90.000 người trở lên, dựa trên dữ liệu có sẵn kể từ tháng 2 năm 2018. Ước tính tỷ lệ phần trăm trung bình của quốc gia đã được chuyển đổi thành con số phụ nữ ước tính bằng cách nhân từng tỷ lệ phần trăm ước tính với số lượng phụ nữ đã kết hôn hoặc đang trong mối quan hệ tình cảm ở độ tuổi 15-49 theo năm và quốc gia tham chiếu. Tỷ lệ phần trăm ước tính trong khu vực và trên toàn cầu được tính bằng cách chia số phụ nữ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại cho số phụ nữ đã kết hôn hoặc đang trong mối quan hệ ở độ tuổi 15-49, những người bày tỏ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình theo năm và khu vực tham chiếu. Dữ liệu cho năm 2020, 2025 và 2030, được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*), dựa trên các dự đoán.

3. ĐẢM BẢO SỰ TIẾP CẬN CỦA PHỤ NỮ TỚI THU NHẬP ĐẦY ĐỦ VÀ ĐỘC LẬP

Để có thể phát triển, các gia đình cần được tiếp cận tới nguồn thu nhập phù hợp thông qua các công việc trên thị trường, lợi nhuận dựa vào các tài sản như đất hoặc khoản chuyển giao xã hội từ hệ thống bảo trợ xã hội. Có thu nhập của riêng mình cho phép phụ nữ có vị thế cân bằng so với nam giới trong các mối quan hệ, có thêm tiếng nói trong gia đình, cũng như cho họ lựa chọn rời bỏ mối quan hệ nếu họ muốn. Tuy nhiên, hôn nhân và sự hiện diện của trẻ nhỏ trong gia đình cũng là một tác nhân ảnh hưởng đến khả năng tham gia lực lượng lao động của phụ nữ (xem Biểu đồ 4) và có liên quan đến những thiệt thòi của việc làm mẹ liên quan đến tiền lương. Việc các chuẩn mực xã hội đang hạn chế khả năng tham gia vào công việc bên ngoài của

phụ nữ đã kết hôn có thể được khắc phục, như ví dụ của Bangladesh cho thấy (xem Hộp 3).

Thị trường lao động và các chính sách kinh tế vĩ mô để tạo ra công việc tốt đóng vai trò trọng yếu bên cạnh các hệ thống bảo trợ xã hội có trách nhiệm giới hỗ trợ các gia đình. Các thành phần thiết yếu của bảo trợ xã hội để đáp ứng các mục tiêu này bao gồm: nghỉ thai sản và nghỉ phép của cha mẹ, các khoản trợ cấp xã hội cho các gia đình có trẻ em, với những sự hỗ trợ bổ sung cho các cha/mẹ đơn thân; và lương hưu đầy đủ thông qua sự kết hợp của các hệ thống có đóng góp có trách nhiệm giới và hệ thống không đóng góp.

HỘP 3 ĐÀM PHÁN CÁC CHUẨN MỰC XÃ HỘI VỀ CÔNG VIỆC ĐƯỢC TRẢ CÔNG CỦA PHỤ NỮ TẠI BANGLADESH

Trong một số bối cảnh, phụ nữ tham gia lực lượng lao động có thể dẫn đến sự phản đối từ chồng hoặc thậm chí là nguyên nhân dẫn đến bạo lực. Vậy phụ nữ tại Bangladesh đã làm gì để được đảm nhận công việc trong các nhà máy may xuất khẩu, đặc biệt là trước những lo ngại của người chồng về "danh dự" gia đình trong một xã hội nơi các quy tắc thuần túy đều yêu cầu phụ nữ phải ở nhà?⁴²

Cuộc phỏng vấn với những người phụ nữ đầu tiên làm việc tại các nhà máy này vào những năm 1960 đã tiết lộ những chiến lược thiết thực mà họ sử dụng để vượt qua sự phản đối của chồng. Mối quan hệ gần gũi của vợ chồng trong hôn nhân giúp cho phụ nữ hiểu rõ được nỗi sợ hãi và lo lắng của chồng, điều đã giúp họ có được lợi thế trong các cuộc tranh luận.

Đầu tiên, phụ nữ biện minh cho mong muốn làm việc của họ bằng cách nói về nỗi bận tâm của họ về cuộc sống gia đình, đặc biệt là về một tương lai tốt hơn cho con cái họ. Ở vai trò là người cha và là người che chở cho hạnh phúc của gia đình, nam giới khó mà có thể phủ nhận quan điểm này. Thứ hai, những người phụ nữ này tìm cách xoa dịu nỗi lo của người chồng về tác động xã hội tiêu cực khi họ hiện diện công khai bằng cách trấn an rằng họ sẽ luôn giữ gìn văn hóa purdah (che mặt): không bao giờ "lên la" tìm cơ hội tán tỉnh những người khác sau giờ làm với người khác sau khi làm việc, và chỉ đi bộ đến nhà máy và trở về trong sự kín đáo.

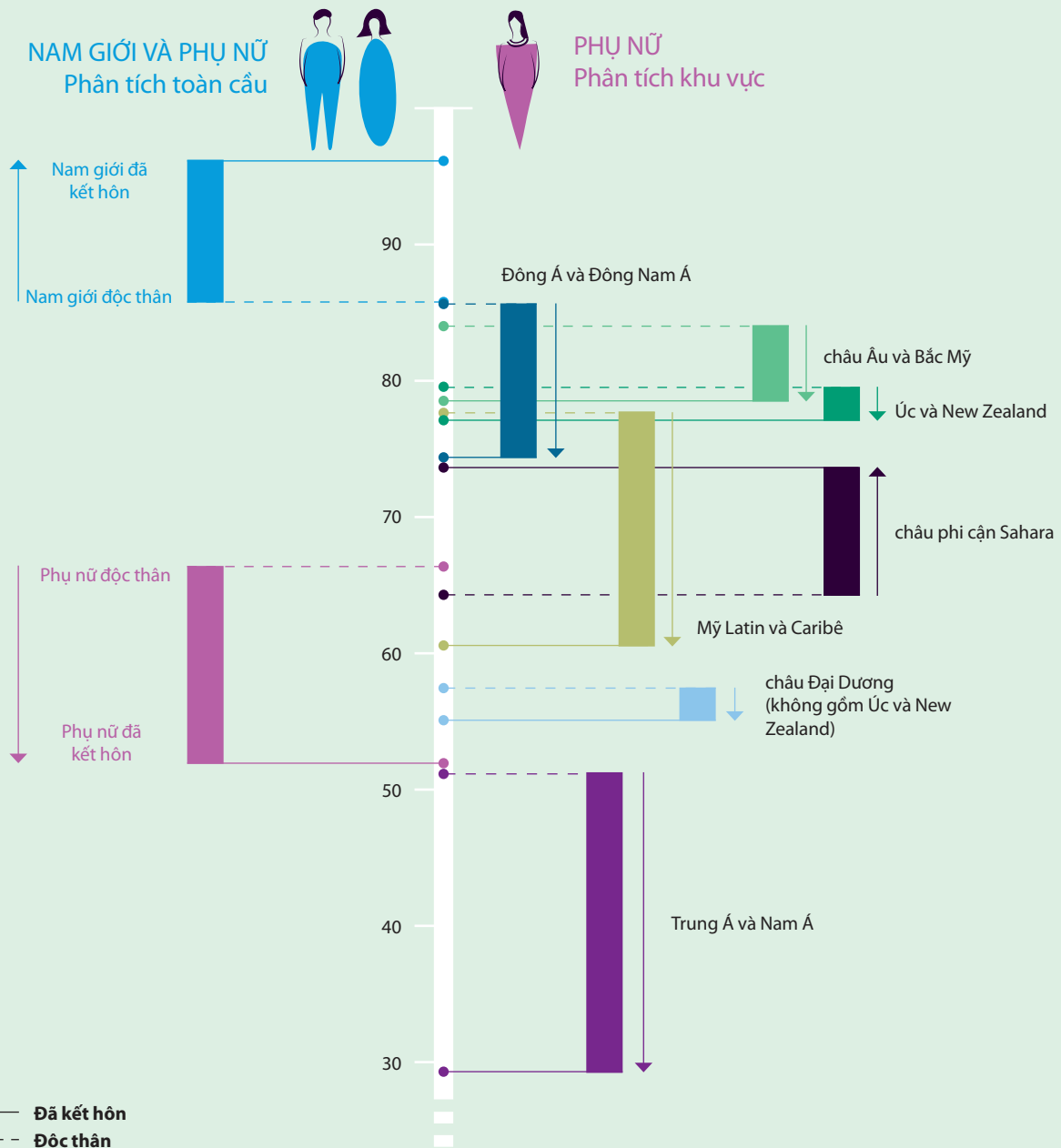
Nhiều phụ nữ cũng thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng việc làm của họ không ảnh hưởng tới việc thực hiện trách nhiệm của họ đối với gia đình (hay những lợi ích đặc biệt của nam giới trong gia đình). Một số người đã giao những trách nhiệm này cho các thành viên nữ khác trong gia đình, còn nhiều người khác lại xoay sở chúng trước và sau khi đi làm.

Những chiến lược này đã giúp phụ nữ trấn an chồng họ rằng công việc ngoài gia đình sẽ không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Trên thực tế, điều này đương nhiên có xảy ra. Phụ nữ không trở nên 'khó bảo' như chồng họ sợ, nhưng cả hai bên đều nhận thấy giá trị của những đóng góp tài chính do phụ nữ đem lại và sự thay đổi nhất định trong cán cân quyền lực trong gia đình.

BIỂU ĐỒ 4

TÁC ĐỘNG CỦA HÔN NHÂN ĐỐI VỚI TỶ LỆ THAM GIA LỰC LƯỢNG
LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VÀ NAM GIỚI

Trên toàn cầu, trong khi hôn nhân có xu hướng làm tăng tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động của nam giới, nó lại đem đến tác động trái ngược đối với phụ nữ.



Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động trong độ tuổi 25 -54, theo giới tính, tình trạng hôn nhân, khu vực, năm gần nhất

Nguồn: Các tính toán của UN Women dựa trên dữ liệu của ILO 2018b; LIS (qua nhiều năm) và ABS 2016b.

Chú thích: Dữ liệu có sẵn cho năm gần nhất ở mỗi quốc gia được sử dụng, trong khoảng thời gian 2007-2018 cho một mẫu bao gồm 93 và 109 quốc gia cho phân tích trên toàn cầu và trong khu vực. Khu vực Úc và New Zealand chỉ bao gồm thông tin về Úc. Các tổng hợp của các khu vực được trình bày là trung bình có trọng số dựa trên số liệu dân số cho những người ở độ tuổi 25-54 (tương ứng nam và nữ), thu được từ UN DESA 2017m.

4. HỖ TRỢ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC CHĂM SÓC BẰNG CÁCH CUNG CẤP THỜI GIAN, TIỀN BẠC VÀ DỊCH VỤ

Việc chăm sóc và nuôi dưỡng hàng ngày, cho dù là trẻ nhỏ, người lớn hay người già yếu, được thực hiện bởi các gia đình, và nếu không có họ, các nền kinh tế và xã hội sẽ bị đình trệ. Trong đó phụ nữ đảm nhận phần lớn công việc chăm sóc. Biểu đồ 5 cho thấy ở Mỹ Latinh và Caribe, phụ nữ sống trong các hộ nghèo phải dành nhiều thời gian hơn cho các công việc chăm sóc và nội trợ; điều tương tự cũng xảy ra tương tự với phụ nữ sống ở nông thôn, đã kết hôn và có con nhỏ.

Trong khi các gia đình đóng vai trò trung tâm trong việc cung cấp chăm sóc, các tổ chức và các tác nhân khác cũng đóng một phần vai trò trong việc tài trợ và/hoặc thực hiện việc chăm sóc, cho dù là thông qua thị trường (ví dụ như lao động trong nước), khu vực công cộng (trung tâm chăm sóc người già được điều hành bởi đơn vị

địa phương) hoặc các nhà cung cấp phi lợi nhuận thuộc nhiều loại khác nhau (ví dụ: trung tâm chăm sóc trẻ em cộng đồng).

Các hệ thống dịch vụ chăm sóc quốc gia cần được xây dựng dần dần để bao gồm thời gian nghỉ thai sản và nghỉ phép cho cha mẹ có con nhỏ, các khoản trợ cấp tiền mặt cho phép người lao động tự do không chính thức nghỉ phép, và trợ cấp tiền mặt cũng như quy định nghỉ phép cho những người phải chăm sóc cho thành viên lớn tuổi trong gia đình hoặc người khuyết tật. Việc dành nhiều khoản đầu tư công hơn cho các cơ sở hạ tầng cơ bản cũng cần thiết để giảm bớt sự vất vả của việc chăm sóc không được trả lương và nội trợ; trong giáo dục và chăm sóc trẻ nhỏ chuyên nghiệp (xem Hộp 4); và chăm sóc dài hạn cho người khuyết tật và người già.

HỘP 4

MỞ RỘNG ĐỘ BAO PHỦ VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CHĂM SÓC TRẺ TẠI ECUADOR QUA CÁC TRUNG TÂM CỘNG ĐỒNG

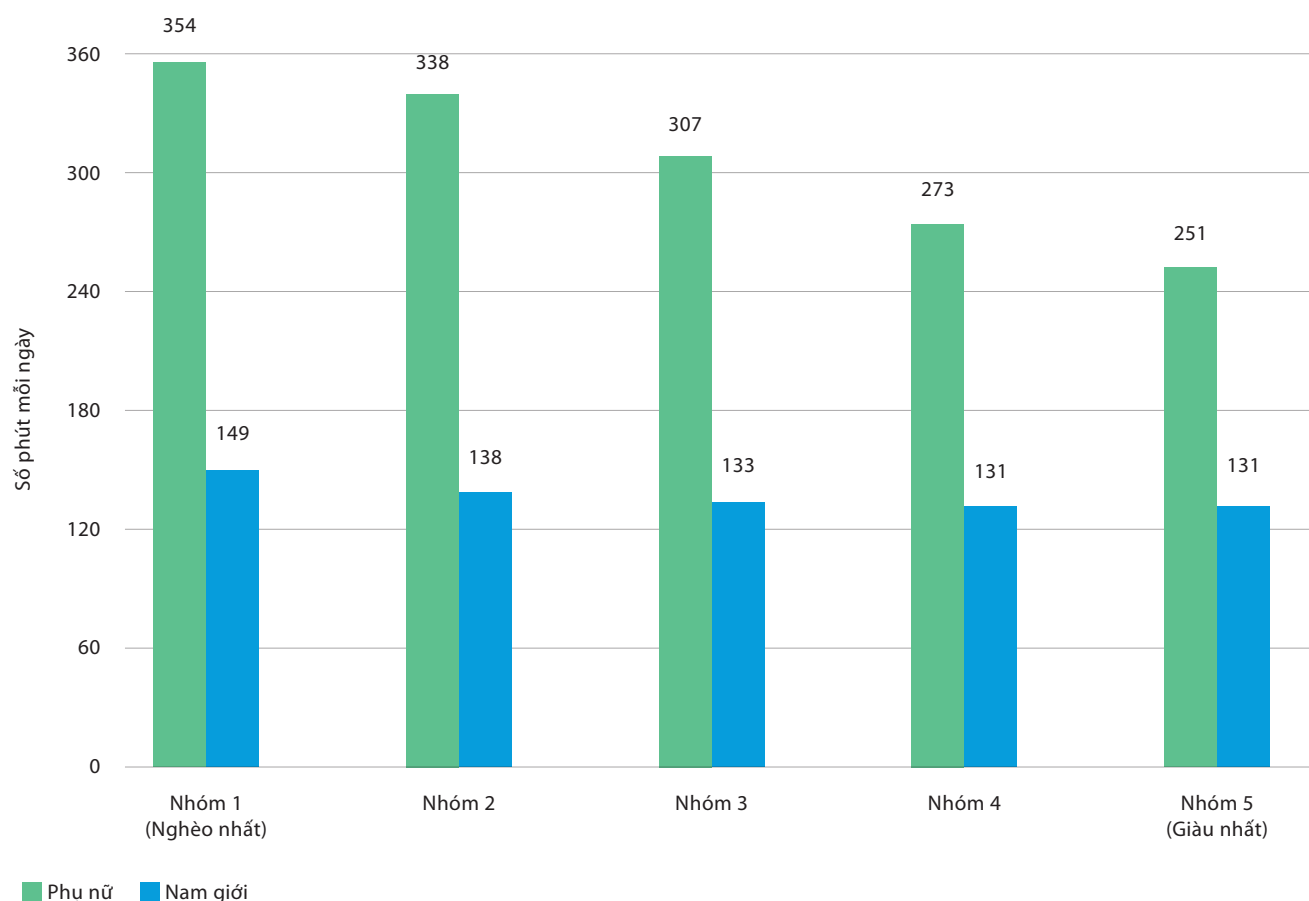
3.800 Trung tâm Phát triển Trẻ em (Centros de Desarrollo Infantil, trước đây là Centros Infantiles del Buen Vivir) ở Ecuador cung cấp dịch vụ chăm sóc cho hơn 138.000 con em của người lao động.⁴³ Các dịch vụ được quản lý trên cơ sở tập trung nhưng chủ yếu được cung cấp thông qua các thỏa thuận giữa các chính phủ địa phương và các tổ chức xã hội dân sự. Độ bao phủ của dịch vụ cho trẻ em từ 5 tuổi trở xuống mở rộng từ dưới 3% năm 2000 lên hơn 22% vào năm 2015.

Ngoài khả năng tiếp cận, Chính phủ đã có những bước tiến quan trọng trong khuôn khổ chiến lược lớn hơn nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ. Ví dụ, họ đã thuê các chuyên gia chuyên về Giáo dục và Chăm sóc trẻ nhỏ để điều phối việc cung cấp các dịch vụ theo mô hình trung tâm. Trong khi cho đến năm 2013, những người chăm sóc chỉ tình nguyện làm công việc này với một khoản trợ cấp rất nhỏ, sau đó lực lượng lao động này, lực lượng lao động này đã được chính thức hóa và chuyên nghiệp hóa. Giờ đây họ được gọi là "những người thúc đẩy giáo dục trẻ nhỏ", những người này được tham gia chương trình đào tạo cho phép họ có được bằng kỹ thuật sau ba năm học bán thời gian, và họ nhận được mức lương tối thiểu và lợi ích xã hội đầy đủ.⁴⁴

Mặc dù đã đạt được những thành tựu này, nhiều nỗ lực hơn nữa cần được thực hiện để mở rộng phạm vi bao phủ. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế, việc thành lập các trung tâm mới bị chậm lại giữa năm 2013 và 2015. Việc tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ và đào tạo đội ngũ chuyên gia chăm sóc là vẫn rất cần thiết.

BIỂU ĐỒ 5

TRUNG BÌNH CÓ TRỌNG SỐ CỦA KHỐI LƯỢNG THỜI GIAN DÀNH CHO CÔNG VIỆC CHĂM SÓC VÀ VIỆC NHÀ KHÔNG LƯƠNG, THEO GIỚI TÍNH, NHÓM THU NHẬP, MỘT SỐ QUỐC GIA Ở CHÂU MỸ LATINH VÀ VÙNG BIỂN CA-RI-BÊ, NĂM GẦN NHẤT



Nguồn: CEPAL 2018.

Chú thích: Trung bình không có trọng số dựa trên các điểm dữ liệu mới nhất có sẵn cho một nhóm gồm 11 quốc gia: Argentina (2013), Brazil (2012), Chile (2015), Colombia (2012), Ecuador (2012), El Salvador (2010), Guatemala (2011), Honduras (2009), Mexico (2014), Peru (2010) và Uruguay (2013), với mỗi quốc gia tầm quan trọng tương đương nhau.

5. PHÒNG CHỐNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TRONG GIA ĐÌNH

Các gia đình có thể là nơi tạo ra sự bất an sâu sắc cho phụ nữ và trẻ em gái, vì đó là nơi họ có khả năng phải đối mặt với bạo lực và lạm dụng cao nhất. Trên toàn cầu, 17,6% phụ nữ cho biết họ đã là nạn nhân của bạo lực thể chất và tình dục trong vòng 12 tháng qua (xem Hình 6).

Nhà nước có nghĩa vụ quan trọng trong việc thực thi luật pháp, chính sách và các chương trình nhằm xóa bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Việc có các điều luật công nhận các hình thức bạo lực khác nhau đối với phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình là vô cùng quan trọng trong việc buộc thủ phạm phải chịu trách nhiệm về hành động của mình, giúp nạn nhân/người sống sót tìm kiếm công lý, cũng như để báo động tình trạng bạo lực không thể chấp nhận được trong cộng đồng.

Luật gia đình nên được cải cách để duy trì các quyền của phụ nữ trong hôn nhân, ly hôn và quyền nuôi con, đặc biệt để giúp họ có thể thoát khỏi các tình huống lạm dụng hoặc bạo lực. Chính vì thế, việc cải cách các quy định di cư để đảm bảo rằng phụ nữ di cư có được tình trạng cư trú độc lập so với người phối ngẫu là rất thiết yếu. Bên cạnh việc đảm bảo phụ nữ được tiếp cận với thu nhập độc lập, cũng như các luật pháp và quy định liên quan được thực thi, việc thúc đẩy sự công bằng cho phụ nữ cũng cần đến một loạt các sự can thiệp bổ sung khác. Trong đó bao gồm việc thiết lập và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ phối hợp và đa ngành cho những người sống sót, và đầu tư dài hạn, đáng kể vào các chương trình phòng ngừa để giải quyết các nguyên nhân dẫn đến bạo lực (xem Hộp 5). Những dịch vụ như vậy phải được duy trì kể cả trong những thời điểm khó khăn.

HỘP 5 BÀI HỌC TỪ SASA! MỘT CAN THIỆP DỰA TRÊN SỰ VẬN ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

SASA! là một chương trình can thiệp huy động vốn từ cộng đồng được khởi xướng bởi một tổ chức phi chính phủ (NGO) ở Uganda có tên là Raising Voices (tạm dịch: Hãy cất tiếng nói). SASA! hoạt động nhằm mục đích thay đổi thái độ, chuẩn mực và hành vi của cộng đồng gây ra bất bình đẳng giới, bạo lực và sự dễ bị tổn thương đối với HIV ngày càng cao của phụ nữ. Dự án các mối quan hệ quyền lực và các mối quan hệ giới, để từ đó làm việc một cách có hệ thống với các bên liên quan trong cộng đồng để thúc đẩy các phân tích và thảo luận quan trọng. SASA!, Có nghĩa là 'Bây giờ', trong tiếng Kiswahili, là từ viết tắt của bốn giai đoạn của cách tiếp cận: Bắt đầu (Start), Nhận thức (Awareness), Hỗ trợ (Support) và Hành động (Action).

Những phát hiện từ một đánh giá năm 2013 cho thấy xu hướng giảm về mức độ chấp nhận bạo lực thể xác của xã hội trong các mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới, cũng như cho thấy rằng đang ngày có nhiều người ủng hộ việc phụ nữ từ chối quan hệ tình dục với bạn tình. Mức độ bạo lực thể chất gây ra bởi người phối ngẫu ở phụ nữ bị trong vòng 12 tháng trước nghiên cứu thấp hơn 52 phần trăm ở các cộng đồng can thiệp trong khuôn khổ chương trình SASA! so với ở các cộng đồng khác.⁴⁵

Những kết quả này đã đạt được thông qua sự tập trung của SASA! vào cách vận hành của các mối quan hệ cá nhân, cũng như tác động của dự án đối với các chuẩn mực xã hội trong cộng đồng lớn hơn. Ở cấp độ mối quan hệ, SASA! giúp các cặp vợ chồng hiểu được lợi ích của việc hỗ trợ lẫn nhau các vai trò giới và khuyến khích việc giao tiếp cởi mở, cũng như cùng đưa quyết định chung và giải quyết vấn đề. Ở cấp độ cộng đồng, SASA! tập trung vào việc thúc đẩy thông điệp không bao dung với bạo lực đối với phụ nữ. Chương trình này đã lan tỏa thông điệp và kêu gọi các thành viên cộng đồng tham gia thảo luận để dẫn xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và cải thiện kỹ năng, sự sẵn lòng và trách nhiệm của cá nhân trong việc giảm thiểu bạo lực đối với phụ nữ trong cộng đồng của họ.

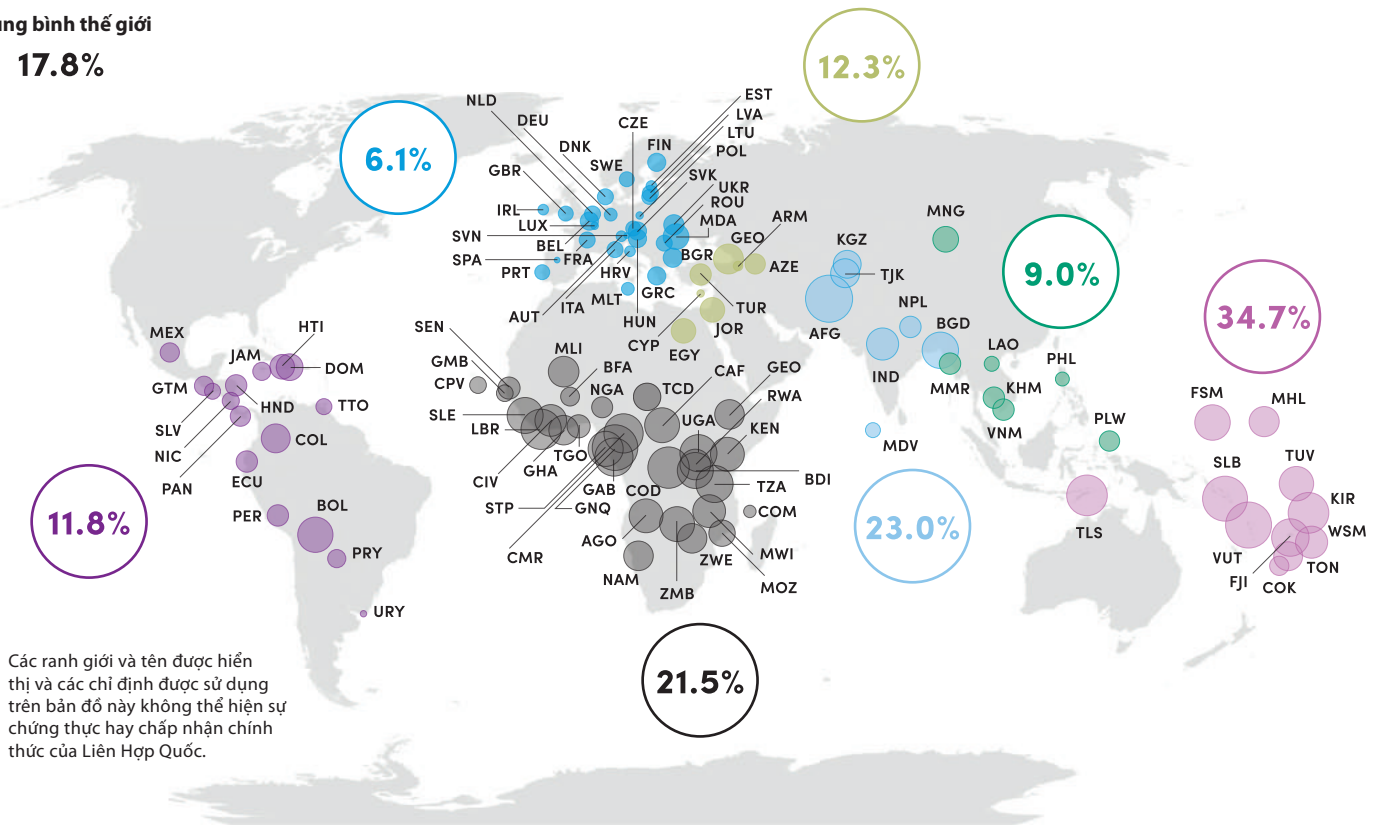
Thách thức đối với một can thiệp mang tính cụ thể về mặt bối cảnh, cần nhiều nguồn lực và đòi hỏi nhiều thời gian như SASA! là khả năng mở rộng và tính bền vững của nó. Nhiều nghiên cứu hơn nữa cần được thực hiện để xem xét làm thế nào để một mô hình như vậy có thể được mở rộng lên phạm vi quốc gia.

BIỂU ĐỒ 6

TỶ LỆ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI TRONG NHÓM 15-49 TUỔI ĐÃ TỪNG CÓ CHỒNG HOẶC NGƯỜI PHỐI NGẬU TỪNG BỊ BẠO LỰC THỂ CHẤT HOẶC TÌNH DỤC BỞI CHỒNG HOẶC NGƯỜI PHỐI NGẬU HIỆN TẠI HOẶC TRƯỚC ĐÂY TRONG 12 THÁNG VỪA QUA, THEO KHU VỰC, NĂM GẦN NHẤT CÓ SỐ LIỆU

Trung bình thế giới

17.8%



■ Mỹ Latinh và Caribe*

■ Châu Phi cận Sahara

■ Bắc Phi và Đông Á*

■ Đông và Nam Á

■ Châu Âu và Bắc Mỹ

■ Đông Á và Đông Nam Á*

■ Thái Bình Dương (không gồm Úc và New Zealand)

Nguồn: UNSD 2018.

Chú thích: Các vòng tròn hiển thị mức trung bình trọng của dân số theo vùng cho phụ nữ trong độ tuổi 15-49 trong tổng số 106 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trọng số dân số được dựa trên số liệu năm 2017 của các quốc gia và vùng lãnh thổ mà dữ liệu phân tách theo giới tính và độ tuổi có sẵn trong World Population Prospects. Phân tích này bao gồm 106 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm 54,4 phần trăm của các quốc gia và 50 phần trăm số phụ nữ và trẻ em gái ở độ tuổi 15-49. Đối với Đông Á và Đông Nam Á, châu Mỹ Latinh và Caribe, Bắc Phi và Tây Á, dữ liệu lần lượt là 12,7, 48,4 và 41,7% dân số khu vực. Các tập hợp khu vực và toàn cầu được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*) dựa trên ít hơn hai phần ba dân số tương ứng của họ và cần được xử lý thận trọng. Trong tất cả các khu vực khác, các tập hợp được dựa trên dữ liệu bao phủ hai phần ba dân số khu vực trở lên. Phạm vi dân số không đủ để tính trung bình khu vực cho Úc và New Zealand và do đó không được hiển thị. Đối với 75 trong số 106 quốc gia, nhóm tuổi của phụ nữ là 15-49 trong khi đối với 30 quốc gia, nhóm tuổi là 18-49. Trong trường hợp của Paraguay, mẫu bao gồm cho phụ nữ ở độ tuổi 15-44 và đối với Bồ Đào Nha, nhóm tuổi là 18-50. Dữ liệu cho Côte d'Ivoire chỉ dành cho phụ nữ đã kết hôn. Định nghĩa về bạo lực tình dục khác với tiêu chuẩn của Nicaragua, Panama, Paraguay và Uruguay. Định nghĩa về bạo lực thể xác và tình dục khác với tiêu chuẩn cho tất cả các nước châu Âu trong mẫu.

6. THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH HỖ TRỢ CÁC GIA ĐÌNH DI CƯ VÀ QUYỀN CỦA PHỤ NỮ

Mặc dù di cư có thể mở ra những cơ hội mới cho phụ nữ, tuy nhiên nó cũng yêu cầu các gia đình phải xác định được một mạng lưới phức tạp các chính sách và quy định sẽ ảnh hưởng đến các điều kiện mà trong đó các thành viên trong gia đình sống cùng nhau hoặc sống riêng. Ví dụ, có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia trong các khung pháp lý xác định thành viên nào trong gia đình đủ điều kiện đoàn tụ gia đình và một số nước yêu cầu người di cư phải có trình độ chuyên môn hoặc trình độ kỹ năng nhất định. Các quốc gia có thể đưa ra các lựa chọn chính sách và pháp lý nhằm tăng cường quyền lực thương lượng của phụ nữ đối với các thành viên khác trong gia đình, ví dụ đăng ký cho phụ nữ tị nạn cho người tìm việc hoặc người di cư một cách tách biệt với các thành viên nam trong gia đình và cấp quyền cư trú độc lập cho phụ nữ di cư qua dạng hôn nhân hoặc đoàn tụ gia đình.

Như Câu chuyện Thay đổi ở Indonesia cho thấy, các tổ chức xã hội dân sự đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chính phủ ban hành các biện pháp để đảm bảo rằng những người di cư có thể được hưởng quyền con người của họ. Quyền tiếp cận phổ cập đến bảo trợ xã hội và các dịch vụ công cộng, không bị giới hạn bởi tình trạng công dân hoặc di cư, và bao gồm y tế, giáo dục và chăm sóc trẻ em, là rất quan trọng để đảm bảo rằng phụ nữ di cư và gia đình họ có thể đáp ứng trách nhiệm chăm sóc và không bị đẩy vào cảnh đói nghèo. Các chính sách kinh tế và xã hội cũng cần thiết để giải quyết các yếu tố thúc đẩy một số phụ nữ và nam giới di cư và bỏ lại các thành viên gia đình của họ.



Anis Hidayah, đồng sáng lập Migrant Care, tại nhà của cô.
Ảnh: UN Women/Ed Wray

NHỮNG TIẾN BỘ/ CÂU CHUYỆN VỀ SỰ THAY ĐỔI

ĐẠT ĐƯỢC SỰ BẢO VỆ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG DI CƯ INDONESIA

Hàng triệu người Indonesia làm việc ở nước ngoài giờ đây đã có được sự bảo vệ về mặt luật pháp chống lại sự bóc lột, nhờ có nỗ lực của các nhà vận động tiên phong.

Anis Hidayah vẫn đang là một sinh viên vào buổi sáng hôm đó khi cô nhặt được một tờ báo và đọc những câu chuyện về một phụ nữ địa phương, người đã rời bỏ con nhỏ ở Indonesia để đến làm việc ở một nơi cách xa hàng ngàn dặm ở một trong những quốc gia vùng Vịnh. Ở đó, cô bị chủ nhân của mình bóc lột, đánh đập và hãm hiếp. Khi về nhà, cô bị đối xử như một kẻ bị xã hội ruồng bỏ và gia đình của cô bị sỉ nhục và tẩy chay.

Indonesia có một trong những cộng đồng lao động di cư lớn nhất thế giới. Năm 2016, ước tính khoảng 9 triệu người Indonesia đang làm việc ở nước ngoài. Một nửa là phụ nữ, phần lớn họ làm các công việc việc phi chính thức ví dụ như làm người giúp việc gia đình.⁴⁶

Hidayah nói rằng nhiều gia đình ở Indonesia có kế hoạch rằng ít nhất một người trưởng thành cần tìm kiếm việc làm ở nước ngoài, để đảm bảo giáo dục và nhiều cơ hội tốt cho con cái. Ở ngôi làng nơi cô lớn lên, nhiều người bạn của Hidayah đã được ông bà nuôi nấng trong khi bố mẹ họ sống ở nước ngoài.

"Tôi nhận ra rằng đây là cộng đồng của mình và cũng là vấn đề của mình", cô ấy nói.

Vào năm 2004, Hidayah và một nhóm các nhà hoạt động nhân quyền khác đã bắt đầu Dự án Migrant Care (tạm dịch: Chăm sóc người di cư), với mục đích đấu tranh để giành lấy sự bảo trợ tốt cho những lao động di cư người Indonesia. Tổ chức nhận được hơn 1.000 cuộc gọi mỗi năm từ các công nhân hoặc gia đình cần giúp đỡ.

Năm 2017, Chính phủ đã thông qua luật mới mà trong đó lần đầu tiên các quyền cơ bản của lao động nữ di cư thông qua các kênh chính thức được đảm bảo.⁴⁷ "Điều luật mới này, dù còn chưa hoàn hảo, vẫn được coi là một chiến thắng to lớn đối với chúng tôi", bà Hidayah cho biết. Một trong những điều khoản quan trọng nhất mà Migrant Care đã vận động thành công là giảm thiểu quyền lực của các đơn vị tuyển dụng trong quá trình di cư.

Migrant Care cũng đang giúp các làng hỗ trợ trẻ em là con em của người lao động. "Có những thứ chúng ta cần phải biết rõ như liệu lũ trẻ có bỏ học hay bị đối xử tệ bạc ở nhà khi cha mẹ chúng ở nước ngoài hay không," bà Hidayah nói. "Chúng tôi đang giúp triển khai các hệ thống đặt phúc lợi của trẻ em vào tay cộng đồng, bảo đảm rằng những vấn đề liên quan đến gia đình của những người làm nghề giúp việc được cân nhắc trong các kế hoạch phát triển làng và các chương trình ngân sách. Theo cách này, tất cả mọi người dân trong làng có thể thực hiện trách nhiệm tập thể của mình."

Trọng tâm của Migrant Care không chỉ tập trung vào các cộng đồng địa phương. Năm 2017 đã diễn ra lễ ký kết Thỏa thuận giữa Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về Bảo vệ và Thúc đẩy các Quyền của Lao động Di cư, trong đó chính phủ từ 10 quốc gia trong khu vực

cam kết sẽ tăng cường bảo vệ xã hội, tiếp cận công lý và quyền con người cho hàng triệu lao động di cư ở cả quốc gia nơi họ dời đi và quốc gia là điểm đến của họ.⁴⁸

Trong khi đây là một chiến thắng đối với các nhóm xã hội trong khu vực, Hidayah cho rằng còn rất nhiều việc cấp bách cần phải làm. Một trong những ưu tiên của Migrant Care là đấu tranh cho quyền của hàng triệu công nhân không có giấy tờ, những người di cư với lý do tìm việc thông qua các kênh không chính thức-không được xét đến trong bản Thỏa thuận và không được công nhận và bảo vệ bởi chính phủ của mình.

"Chúng tôi xem xét người lao động không có giấy tờ từ góc độ quyền con người và quyền lao động, nhưng quan điểm này vẫn chưa được phản ánh trong chính trị hoặc luật pháp của đất nước hoặc khu vực của chúng tôi," bà Hidayah cho biết. Tuy nhiên, những tiến bộ trong vài năm qua đang cho chúng tôi niềm tin rằng chúng tôi thực sự có thể làm việc để hướng tới sự thay đổi lâu dài và bền vững ngay cả trong về vấn đề này."

"Những tiến bộ trong vài năm qua cho chúng tôi niềm tin rằng chúng tôi có thể làm việc để hướng tới sự thay đổi lâu dài và bền vững."

7. ĐẦU TƯ VÀO SỐ LIỆU NHẠY CẢM GIỚI TRÊN CÁC GIA ĐÌNH VÀ HỘ GIA ĐÌNH

Nhiều lỗi hỏng kiến thức về cuộc sống gia đình đương đại vẫn còn tồn tại. Những hạn chế về dữ liệu ở tất cả các vùng đã làm giảm đáng kể khả năng của các nhà hoạch định chính sách trong việc thiết kế và điều chỉnh các chính sách công phản ánh thực trạng thay đổi của các gia đình. Đăng ký hộ tịch và hệ thống thống kê thiết yếu thu thập thông tin về các sự kiện quan trọng trong cuộc sống (khai sinh, báo tử, kết hôn và ly hôn) cần phải được củng cố. Ít nhất 110 quốc gia đang phát triển vẫn còn thiếu các hệ thống đăng ký chức năng và do đó đã báo cáo một cách chưa đầy đủ về các sự kiện quan trọng trong đời của một bộ phận dân số nhất định, ảnh hưởng đến khả năng của chính phủ trong việc phát triển và hoạch định các chính sách như trợ cấp xã hội cho các gia đình có trẻ nhỏ.⁴⁹ Các cuộc điều tra và khảo sát đại diện quốc gia đòi hỏi phải định hình lại phương pháp để nắm bắt tốt hơn

sự đa dạng trong thành phần hộ gia đình và cung cấp dữ liệu cấp độ cá nhân đáng tin cậy. Hộp 6 cho thấy, những nỗ lực đang được thực hiện trong các tổ chức để nắm bắt các hình thức gia đình đa dạng và các hình thức mới.

Những sai lệch trong các công cụ thu thập dữ liệu hiện có và những lỗi hỏng về giới trong độ bao phủ cần phải được xác định và loại bỏ một cách có hệ thống, cũng như tăng cường sự đa ngôn ngữ và đa văn hóa. Trên hết, các biện pháp này đòi hỏi đầu tư và xây dựng năng lực của Cơ quan Thống kê Quốc gia. Việc hoạch định chính sách nhạy cảm giới nhằm nâng cao quyền của phụ nữ và hỗ trợ cuộc sống gia đình cũng đòi hỏi việc vận dụng nhiều phương pháp và cách tiếp cận liên ngành trong đó thông tin định lượng bổ sung với những bằng chứng định tính trong từng bối cảnh.

HỘP 6

NỖ LỰC ĐỊNH NGHĨA CÁC KIỂU GIA ĐÌNH 'MỚI NỔI' TRONG THỐNG KÊ

Các nhà thống kê cố gắng đưa ra các cách để nắm bắt các kiểu gia đình và hộ gia đình 'mới nổi'. Các định nghĩa gia đình này khác nhau giữa các bối cảnh quốc gia và khu vực vì chúng phản ánh các mô hình chính sách và mối quan tâm chính sách cụ thể. Ví dụ, sau khi luật pháp công nhận công nhận sự đa dạng và nhiều hình thái của các mô hình gia đình và quan hệ, một số quốc gia ở châu Mỹ Latinh và Caribe đã ưu tiên ghi nhận việc sống thử và/hoặc các cặp đồng giới.⁵⁰

Các quốc gia châu Âu cũng đã xem xét một tập hợp các kiểu gia đình đa dạng hơn. Tập hợp này bao gồm 'các gia đình hỗn hợp' bao gồm một cặp đôi đã kết hôn hoặc đang sống thử cùng với một hoặc nhiều con chung của họ, thêm vào đó là một hoặc nhiều con khác từ những mối quan hệ trước đó của một hoặc cả hai người.⁵¹ Trong đó cũng bao gồm các mối quan hệ không sống cùng nhau, là hai người có quan hệ tình cảm nhưng sống trong hai hộ gia đình riêng biệt.⁵²

Các chuẩn mực xã hội có thể gây khó khăn khi đưa một số câu hỏi nhất định vào các cuộc khảo sát, tuy nhiên thiếu đi những câu hỏi này sẽ càng đẩy xa thêm suy nghĩ rằng các kiểu gia đình hoặc mối quan hệ này là hiếm hoặc không tồn tại, từ đó tạo ra một vòng tròn luẩn quẩn. Sự bế tắc đó cần được phá vỡ để nâng cao nhận thức và hiểu biết liên quan đến cách mà các gia đình hiện nay đang sống như thế nào.

8. ĐẢM BẢO HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC CẦN THIẾT CHO CÁC CHÍNH SÁCH THÂN THIỆN VỚI GIA ĐÌNH

Ủy ban về Vị thế của Phụ nữ kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện các chính sách hướng tới gia đình nhằm đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.⁵³ Báo cáo này đề xuất một gói chính sách nhằm đảm bảo quyền tiếp cận an ninh thu nhập cơ bản và chăm sóc sức khỏe thiết yếu trong suốt vòng đời cho tất cả mọi người, phù hợp với Khuyến nghị Sàn An sinh xã hội ILO, 2012 (số 202) và đảm bảo rằng trẻ em trước tuổi đến trường và người lớn tuổi có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc chất lượng. Ngoài ý chí chính trị, một gói chính sách thân thiện với gia đình như vậy cũng đòi hỏi phải có đầy đủ nguồn lực. Phân tích được ủy nhiệm cho Báo cáo này cho thấy điều này nằm trong phạm vi chi trả của hầu hết các quốc gia.⁵⁴

Ví dụ, để thu hẹp khoảng cách về thu nhập, y tế và chăm sóc, một phần tư các quốc gia (41 trong tổng số 155 quốc gia được nghiên cứu) có khả năng thực hiện các chính sách cần thiết với mức dưới 3% GDP, chỉ hơn một nửa số quốc gia (79) có khả năng thực hiện với dưới 5% GDP.

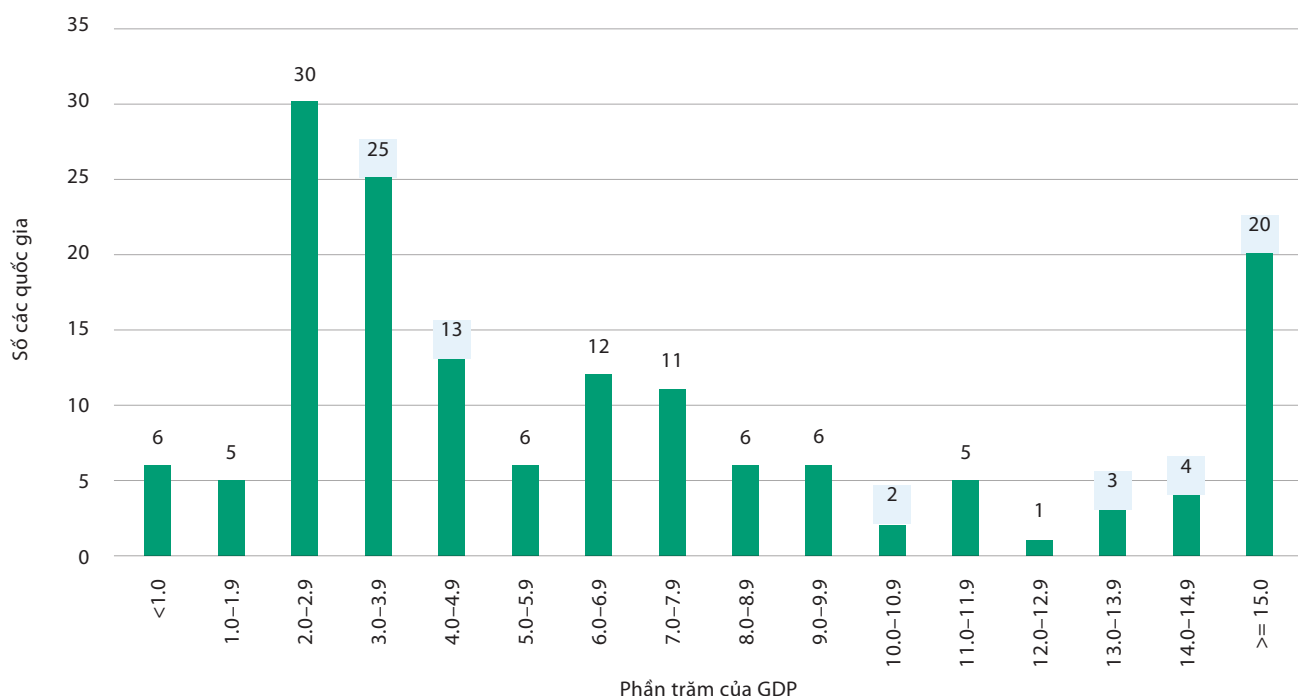
Đối với một phần năm quốc gia, các chính sách này sẽ tiêu tốn hơn 10% GDP, đồng nghĩa với việc cần vận động thêm các hỗ trợ quốc tế (xem Hình 7).

Để thực hiện các chính sách này với chi phí hợp lý, chính phủ phải tăng nguồn lực theo nhiều cách, bao gồm việc tăng doanh thu thuế, mở rộng phạm vi bảo hiểm xã hội, vay hoặc tái cơ cấu nợ, cắt giảm chuyển nhượng Nam-Bắc, loại bỏ các luồng tài chính bất hợp pháp và thúc đẩy viện trợ và chuyển nhượng.

Những khoản đầu tư này mang lại kết quả đáng kể cho phụ nữ và trẻ em gái, cũng như cho chính gia đình và xã hội. Chương trình này xây dựng những năng lực cơ bản của con người ở trẻ em, bảo vệ phẩm giá và quyền con người của những người khuyết tật và người già, cũng như tạo cơ hội việc làm tốt cho phụ nữ và nam giới trong lĩnh vực dịch vụ chăm sóc.

BIỂU ĐỒ 7

SỐ CÁC QUỐC GIA, THEO NGUỒN LỰC CẦN THIẾT ĐỂ THU HẸP KHOẢNG CÁCH THU NHẬP, Y TẾ VÀ CHĂM SÓC, THEO PHẦN TRĂM GDP, 2015.



Nguồn: Bierbaum và Cichon tiếp nối.

Chú thích: Dữ liệu cho năm 2015 hoặc năm có sẵn gần nhất cho từng quốc gia đã được sử dụng, trên một mẫu bao gồm 155 quốc gia. Khi không có các ước tính quốc gia để sử dụng cho dữ liệu đầu vào, các con số được tính dựa trên giá trị trung bình của các nước trong cùng khu vực hoặc nhóm thu nhập (trừ dữ liệu về khoảng cách nghèo đói, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động, tỷ lệ sinh đẻ được đỡ bởi những người có tay nghề và mức độ chi tiêu vào chăm sóc dài hạn).

CHÚ THÍCH

Danh sách tài liệu tham khảo đầy đủ có thể tìm trong Báo cáo đầy đủ tại: <http://progress.unwomen.org>

1. Sen 1990a.
2. Agarwal 1997.
3. Sierminska và Girshina 2017.
4. Budig England 2001.
5. Alvaredo và cộng sự 2017.
6. Nieuwenhuis Maldonado 2018.
7. Dựa trên sự chênh lệch của các giá trị trung bình không trọng số giữa nữ và nam. Tính toán của UN Women dựa trên UNSD 2018.
8. UNODC 2018.
9. Con số dựa trên mức trung bình có trọng số của một mẫu gồm 86 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm 78,5% dân số Thế giới.
10. Phân tích bao gồm 88 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm 61,3% dân số thế giới, dựa trên dữ liệu gần nhất có sẵn từ năm 2007 trở đi.
11. Therborn 2004.
12. UN DESA 2011.
13. Barker 2017.
14. Posel và cộng sự 2011.
15. Härkönen 2014.
16. Stevenson và Wolfers 2006.
17. De Vaus và cộng sự 2015; Gadalla 2008.
18. Elson 1998; UN Women 2014b.
19. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, 1948, 217 A (III).
20. Sepúlveda Carmona 2017.
21. Pateman 1983.
22. UNFPA 1994.
23. UN CEDAW 2017b.
24. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, 1989.
25. Htun và Weldon 2018.
26. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc 1979, Các tuyên bố và nội dung bảo lưu, chú thích 82; Tamaru và cộng sự 2018.
27. Khalil 2014; Debuysere 2016.
28. Hitman 2018.
29. Tamaru và cộng sự 2018.
30. Library of Congress 2018.
31. Ví dụ, tỷ lệ hộ gia đình có chủ hộ là phụ nữ là 12,9% ở Ai Cập, 13% ở Jordan, 9,8% ở bang Palestine và 7,8% ở Yemen. Xem: UNDESA 2018a.
32. Xem ví dụ tại Powell 2017.
33. UN HRC 2018, đoạn 8. Xem thêm: UN CESC 2016.
34. Tính toán của UN Women dựa vào UN DESA 2018b; UN DESA 2018c.
35. UN DESA 2017m.
36. WHO và các bên khác 2015.
37. Bucagu và cộng sự 2012.
38. AFIDEP 2013.
39. WHO 2014b; Ngân hàng Thế giới 2016.
40. Farmer và cộng sự 2015.
41. Schwandt và cộng sự 2018.
42. Kabeer 2000.
43. Velasco 2017; Araujo và cộng sự 2013.
44. Bộ Kinh tế và Xã hội (Ecuador) 2013, tr. 25–26; Bộ Kinh tế và Xã hội (Ecuador) 2018.
45. Abramsky và cộng sự 2016.
46. Ngân hàng Thế giới 2017a.
47. Tổng thống Cộng hòa Indonesia 2017.
48. ASEAN 2017a, 2017b.
49. World Bank 2018a; Centre of Excellence for CRVS Systems 2019a, 2019b.
50. Salguero và Vignoli 2011.
51. UNECE 2015.
52. UNECE 2011.
53. UN ECOSOC 2018; UN ECOSOC 2019b.
54. Bierbaum và Cichon tiếp nối.

UN WOMEN

UN Women là tổ chức của Liên Hợp Quốc chuyên về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Là một tổ chức dẫn đầu cho phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập để đẩy nhanh tiến độ đáp ứng nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới.

UN Women hỗ trợ các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc bằng cách đặt ra các tiêu chuẩn toàn cầu để đạt được bình đẳng giới, bên cạnh làm việc với chính phủ và xã hội dân sự để thiết kế luật pháp, chính sách, chương trình và dịch vụ cần thiết để thực hiện các tiêu chuẩn này. UN Women đứng đằng sau sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong mọi khía cạnh của cuộc sống, tập trung vào năm lĩnh vực ưu tiên: tăng cường sự lãnh đạo và tham gia của phụ nữ; chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ; thu hút sự tham gia phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực liên quan tới hòa bình và an ninh; tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ; và làm cho bình đẳng giới trở thành trung tâm trong kế hoạch và ngân sách phát triển quốc gia. UN Women cũng điều phối và thúc đẩy hệ thống của Liên Hợp Quốc hoạt động trong việc thúc đẩy bình đẳng giới.



UN Women Việt Nam
Tòa nhà Xanh Liên hợp quốc
304 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
Tel: 24 38501000 - Fax: 24 37265520
<http://vietnam.unwomen.org>